CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ LIGHTHOUSE
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ LIGHTHOUSE
DN: OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0304772590, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ LIGHTHOUSE, L=Quận 3, S=HỒ CHÍ MINH, C=VN
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2026.04.24 17:14:17+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 11.2.1

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG QUỸ ĐẦU TƯ NĂNG ĐỘNG LIGHTHOUSE (LHCDF)

TP. Hồ Chí Minh, tháng 4 năm 2026

MỤC LỤC

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ 5

II. CÁC ĐỊNH NGHĨA 6

CHƯƠNG I.QUY ĐỊNH CHUNG 9

Điều 1. Tên Quỹ và địa chỉ liên hệ 9

Điều 2. Thời hạn hoạt động của Quỹ 9

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ 9

Điều 4. Tổng vốn huy động và số lượng chứng chỉ quỹ chào bán 9

Điều 5. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán chứng chỉ Quỹ 9

Điều 6. Công ty quản lý quỹ 9

Điều 7. Ngân hàng giám sát 10

CHƯƠNG II.CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ 11

Điều 8. Mục tiêu đầu tư 11

Điều 9. Chiến lược đầu tư 11

Điều 10. Hạn chế đầu tư 12

Điều 11. Hoạt động vay, cho vay, giao dịch ký quỹ 14

Điều 12. Phương pháp lựa chọn đầu tư 14

CHƯƠNG III.NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ 16

Điều 13. Nhà đầu tư 16

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư 16

Điều 15. Sổ đăng ký nhà đầu tư 17

Điều 16. Giao dịch chứng chỉ quỹ mở 18

Điều 17. Mua lại một phần, tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ mở, mức phòng vệ thanh khoản 19

Điều 18. Giá bán, giá mua lại 21

Điều 19. Thừa kế chứng chỉ quỹ 21

Điều 20. Giải pháp cho vấn đề thua lỗ của Quỹ 21

CHƯƠNG IV.ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ 22

Điều 21. Đại hội nhà đầu tư 22

Điều 22. Đại hội nhà đầu tư bất thường 22

Điều 23. Điều kiện, thể thức tiến hành họp, thông qua quyết định Đại hội nhà đầu tư 23

Điều 24. Phản đối quyết định của Đại hội nhà đầu tư 25

CHƯƠNG V.BAN ĐẠI DIỆN QUỸ 26

Điều 25. Ban đại diện quỹ 26

Điều 26. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện quỹ 27

Điều 27. Quyền và nghĩa vụ của Ban đại diện quỹ 28

Điều 28. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện quỹ 28

Điều 29. Chủ tịch Ban đại diện quỹ 28

Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Ban đại diện quỹ 28

Điều 31. Thủ tục điều hành của Ban đại diện quỹ 29

Điều 32. Cuộc họp Ban đại diện quỹ 29
Điều 33. Biên bản họp Ban đại diện quỹ 29
CHƯƠNG VI.CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ 30
Điều 34. Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty quản lý quỹ 30
Điều 35. Quyền và nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ 30
Điều 36. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty quản lý quỹ 34
Điều 37. Hạn chế đối với hoạt động của Công ty quản lý quỹ 34
CHƯƠNG VII.NGÂN HÀNG GIÁM SÁT 36
Điều 38. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân hàng giám sát 36
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát 36
Điều 40. Hoạt động giám sát của Ngân hàng giám sát 37
Điều 41. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng giám sát 38
CHƯƠNG VIII.CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN 39
Điều 42. Các hoạt động được ủy quyền 39
Điều 43. Tiêu chí lựa chọn Tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan 39
Điều 44. Trách nhiệm của Tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan 39
Điều 45. Trách nhiệm của Công ty quản lý quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền 40
Điều 46. Chấm dứt hoạt động ủy quyền 40
CHƯƠNG IX.ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI, ĐẠI LÝ KÝ DANH 42
Điều 47. Điều kiện lựa chọn đại lý phân phối chứng chỉ quỹ 42
Điều 48. Hoạt động của đại lý phân phối 42
Điều 49. Quy định chung về nghiệp vụ phân phối chứng chỉ quỹ 42
CHƯƠNG X.KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO 44
Điều 50. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty kiểm toán 44
Điều 51. Năm tài chính 44
Điều 52. Chế độ kế toán 44
Điều 53. Báo cáo tài chính 44
Điều 54. Báo cáo khác 44
CHƯƠNG XI.GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ 45
Điều 55. Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ 45
Điều 56. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá 45
Điều 57. Nguyên tắc, quy trình và phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ 45
Điều 58. Đền bù thiệt hại cho nhà đầu tư, Quỹ 46
CHƯƠNG XII.GIÁ DỊCH VỤ PHÁT HÀNH, THU NHẬP VÀ CÁC CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG 47
Điều 59. Giá dịch vụ quản lý quỹ, giá dịch vụ lưu ký, giám sát 47
Điều 60. Thu nhập của quỹ 47
Điều 61. Chi phí hoạt động của Quỹ 48
Điều 62. Chi phí khác 48
Điều 63. Phân chia lợi tức của Quỹ 48
CHƯƠNG XIII.TÁI CƠ CẤU, GIẢI THỂ QUỸ 50
Điều 64. Hợp nhất, sáp nhập Quỹ 50

Điều 65. Chia, tách Quỹ mở 50
Điều 66. Giải thể Quỹ 50
CHƯƠNG XIV.GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH 51
Điều 67. Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các Quỹ khác, các khách hàng uỷ thác đầu tư của Công ty quản lý quỹ và giữa Quỹ và Công ty quản lý quỹ 51
CHƯƠNG XV.CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ 52
Điều 68. Công bố thông tin, cung cấp thông tin cho nhà đầu tư 52
Điều 69. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ 52
Điều 70. Đăng ký Điều lệ, điều khoản thi hành 52
PHỤ LỤC 1.1.CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ 54
PHỤ LỤC 1.2.CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT 56
PHỤ LỤC 1.3.CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT 57
PHỤ LỤC 1.4.PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN 58
PHỤ LỤC 1.5.NGUYÊN TẮC LẤY Ý KIẾN NHÀ ĐẦU TƯ BẰNG VĂN BẢN 63

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15;
2. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15;
3. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025;
4. Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 128/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 và Nghị định số 306/2025/NĐ-CP ngày 25/11/2025;
5. Thông tư:
   - Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 88/2025/TT-BTC ngày 03/9/2025;
   - Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025;
   - Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/9/2024, Thông tư số 18/2025/TT-BTC ngày 26/4/2025 và Thông tư số 08/2026/TT-BTC ngày 03/02/2026;
   - Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ;
   - Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở;
   - Thông tư số 51/2021/TT-BTC ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 20/2025/TT-BTC ngày 05/5/2025;
   - Thông tư số 135/2025/TT-BTC ngày 26/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hành nghề chứng khoán;
   - Thông tư số 134/2017/TT-BTC ngày 19/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 73/2020/TT-BTC ngày 07/8/2020;
   - Thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/9/2024, Thông tư số 14/2025/TT-BTC ngày 04/4/2025 và Thông tư số 18/2025/TT-BTC ngày 26/4/2025;
   - Thông tư số 120/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch và chứng chỉ quỹ, trái phiếu doanh nghiệp, chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/9/2024, Thông tư số 18/2025/TT-BTC ngày 26/4/2025 và Thông tư số 08/2026/TT-BTC ngày 03/02/2026;
   - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân;
6. Các văn bản pháp luật hướng dẫn có liên quan (được sửa đổi, bổ sung, thay thế tại từng thời điểm).

II. CÁC ĐỊNH NGHĨA

"Quỹ"	Là Quỹ Đầu tư Năng động Lighthouse, thực hiện chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng, được thành lập theo quy định của pháp luật về chứng khoán và Điều lệ Quỹ.
"Công ty quản lý quỹ"	Nghĩa là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse, được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 14/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/12/2006 (và các sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm), Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304772590 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh) cấp ngày 28/12/2006 (và các sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm). Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse được uỷ thác quản lý quỹ, có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 35 Điều lệ này.
"Ngân hàng giám sát"	(sau đây gọi tắt là ngân hàng BIDV) Nghĩa là Ngân Hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh) cấp ngày 29/11/2004 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm) và Quyết định chấp thuận thực hiện nghiệp vụ lưu ký, thanh toán bù trừ và đăng ký chứng khoán số 106/QĐ-UBCK do Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14/05/2003, cung cấp các dịch vụ: (i) bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của Quỹ; các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ; (ii) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ hoạt động quản lý tài sản của Quỹ do Công ty quản lý quỹ thực hiện. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát được quy định tại Điều 39 Điều lệ này.
"Công ty kiểm toán"	Là công ty kiểm toán cho Quỹ được Đại hội nhà đầu tư chỉ định, là công ty kiểm toán độc lập được chấp thuận thực hiện việc kiểm toán hàng năm tài sản của Quỹ Đầu tư Năng động Lighthouse.
"Điều lệ Quỹ Đầu tư Năng động Lighthouse"	Bao gồm văn bản này, các Phụ lục đính kèm và các sửa đổi bổ sung hợp pháp (nếu có).
"Bản cáo bạch"	Là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán và phát hành chứng chỉ quỹ của Quỹ.
"Hợp đồng giám sát"	Là hợp đồng được ký kết giữa Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát được thông qua bởi Đại hội nhà đầu tư của Quỹ.
"Nhà đầu tư"	Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ chứng chỉ Quỹ.
"Đại hội nhà đầu tư"	Là Đại hội của nhà đầu tư có quyền biểu quyết được tổ chức để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ. Đại hội nhà đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ.
"Ban đại diện quỹ"	Là những người đại diện cho nhà đầu tư được Đại hội nhà đầu tư bầu ra để thay mặt nhà đầu tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ, Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát.

"Vốn điều lệ"	Là tổng số vốn bằng tiền do tất cả nhà đầu tư thực góp tại đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng và được ghi trong Điều lệ Quỹ.
"Chứng chỉ Quỹ Đầu Tư Năng Động Lighthouse"	Là loại chứng khoán xác nhận quyền sở hữu của nhà đầu tư đối với một phần vốn góp tại Quỹ. Mệnh giá 01 chứng chỉ quỹ là 10.000 (mười nghìn) đồng.
"Giá bán/Giá phát hành"	Là mức giá nhà đầu tư phải thanh toán để mua một đơn vị quỹ. Giá bán/Giá phát hành bằng mệnh giá (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng) hoặc bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cộng thêm giá dịch vụ phát hành đã quy định tại Điều lệ Quỹ.
"Giá mua lại"	Là mức giá mà Công ty quản lý quỹ phải thanh toán để mua lại từ nhà đầu tư một đơn vị quỹ. Giá mua lại bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trừ đi giá dịch vụ mua lại chứng chỉ quỹ đã quy định tại Điều lệ Quỹ.
"Giá dịch vụ quản lý quỹ"	Là giá dịch vụ phải trả cho Công ty quản lý quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đã được quy định tại Điều lệ Quỹ.
"Giá dịch vụ phát hành/ Giá dịch vụ mua lại"	Là giá dịch vụ mà nhà đầu tư phải trả khi mua/bán một đơn vị chứng chỉ quỹ cho Quỹ. Giá dịch vụ phát hành/giá dịch vụ mua lại tính theo tỷ lệ phần trăm giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ Quỹ quy định tại Điều lệ này.
"Cổ tức quỹ"	Là số lợi nhuận còn lại của Quỹ sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ và được Đại hội nhà đầu tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư.
"Năm tài chính"	Là 12 (mười hai) tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hằng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.
"Giá trị tài sản ròng của Quỹ"	Là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ tại ngày định giá.
"Ngày định giá"	Là ngày mà Công ty quản lý quỹ xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ.
"Ngày giao dịch chứng chỉ quỹ"	Là ngày mà Công ty quản lý quỹ, thay mặt cho Quỹ, phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư theo cơ chế giao dịch của Quỹ.
"Thời điểm đóng sổ lệnh"	Là thời điểm cuối cùng mà đại lý phân phối nhận lệnh giao dịch từ nhà đầu tư để thực hiện trong ngày giao dịch chứng chỉ quỹ.
"Các định nghĩa khác"	Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán và các văn bản khác có liên quan.

Các thuật ngữ được sử dụng trong Điều lệ này áp dụng cho cả dạng số ít và số nhiều của thuật ngữ đó. Các thuật ngữ khác nếu không được định nghĩa trong Điều lệ này sẽ được hiểu như Bản cáo bạch, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.

Các dẫn chiếu trong Điều lệ này tới các Phụ lục, Điều và đoạn (trừ khi được quy định khác) là các Phụ lục, điều, khoản của Điều lệ này.

Khi sử dụng các cụm từ "của Điều lệ này" "theo Điều lệ này" "trong Điều lệ này" và các từ tương tự khác khi sử dụng trong Điều lệ này sẽ đề cập đến toàn bộ Điều lệ và không phải là đề cập tới bất kỳ điều khoản riêng lẻ nào của Điều lệ này.

Dẫn chiếu tới bất kỳ văn kiện hoặc thỏa thuận nào có nghĩa là văn kiện hoặc thỏa thuận đó được sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung tại từng thời điểm theo các điều khoản của văn kiện hoặc thỏa thuận đó và có hiệu lực tại bất kỳ thời điểm nào.

Dẫn chiếu đến bất kỳ văn bản pháp luật nào sẽ được hiểu là dẫn chiếu đến văn bản pháp luật như được ban hành lại, đặt tên lại, sửa đổi hoặc gia hạn tại từng thời điểm.

Dẫn chiếu tới bất kỳ tổ chức, cá nhân nào sẽ được hiểu là dẫn chiếu đến bất kỳ bên kế nhiệm hoặc bên được chuyển nhượng hoặc bên được chuyển giao được phép của tổ chức, cá nhân đó, trừ trường hợp không được phép theo quy định của Điều lệ này.

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên Quỹ và địa chỉ liên hệ

1. Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: Quỹ Đầu Tư Năng Động Lighthouse.
2. Tên đầy đủ bằng tiếng Anh: Lighthouse Capital Dynamic Fund.
3. Tên viết tắt: LHCDF.
4. Địa chỉ liên hệ: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse.
   - Trụ sở chính: Tầng 5, Số 65 Phạm Ngọc Thạch, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh.
   - Điện thoại: (028) 7301 7786.
   - Fax: (028) 7302 2268.

Điều 2. Thời hạn hoạt động của Quỹ

Quỹ được chính thức hoạt động kể từ khi được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ, không bị giới hạn về thời hạn hoạt động.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ

1. Quỹ được tổ chức dưới hình thức quỹ mở, hoạt động và chịu sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán và hệ thống pháp luật hiện hành của Việt Nam, các quy định của Điều lệ này.
2. Trong suốt thời hạn hoạt động, Quỹ có nghĩa vụ phải mua lại chứng chỉ quỹ đã được phát hành theo yêu cầu của nhà đầu tư phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.
3. Cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ là Đại hội nhà đầu tư.
4. Ban đại diện quỹ do Đại hội nhà đầu tư bầu ra để giám sát các hoạt động thường xuyên của Quỹ, Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát.
5. Công ty quản lý quỹ được Đại hội nhà đầu tư chỉ định để quản lý hoạt động của Quỹ.

Điều 4. Tổng vốn huy động và số lượng chứng chỉ quỹ chào bán

1. Vốn điều lệ được huy động trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng của Quỹ là 51.184.042.953 đồng (năm mươi mốt tỷ một trăm tám mươi tư triệu không trăm bốn mươi hai nghìn chín trăm năm mươi ba đồng). Số vốn này được chia thành 5.118.404,29 (năm triệu một trăm mười tám nghìn bốn trăm linh bốn phẩy hai mươi chín) chứng chỉ quỹ. Mệnh giá của một chứng chỉ quỹ là 10.000 đồng (mười nghìn đồng).
2. Nhà đầu tư góp vốn bằng tiền Đồng Việt Nam dưới hình thức chuyển khoản hoặc chuyển tiền vào tài khoản của Quỹ mở tại Ngân hàng giám sát.
3. Số lượng chứng chỉ quỹ được phép lưu hành tối đa: Không giới hạn.
4. Việc thay đổi giá trị tài sản huy động tối đa hoặc số lượng chứng chỉ quỹ huy động tối đa phải do Đại hội nhà đầu tư quyết định và phải thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Điều 5. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán chứng chỉ Quỹ

Đại diện theo pháp luật của Công ty quản lý quỹ được chỉ định là đại diện huy động vốn và chào bán chứng chỉ Quỹ ra công chúng.

Điều 6. Công ty quản lý quỹ

1. Công ty quản lý quỹ: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse.
2. Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số: 14/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/12/2006 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm).
3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0304772590 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh) cấp ngày 28/12/2006 (được sửa đổi, bổ sung tại từng

thời điểm)

4. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 5, Số 65 Phạm Ngọc Thạch, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh
5. Điện thoại: (028) 7301 7786 Fax: (028) 7302 2268

Điều 7. Ngân hàng giám sát

1. Ngân hàng: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa.
2. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh) cấp ngày 29/11/2004 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm).
3. Quyết định chấp thuận thực hiện nghiệp vụ lưu ký, thanh toán bù trừ và đăng ký chứng khoán số: 106/QĐ-UBCK do Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14/05/2003 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm).
4. Địa chỉ trụ sở chính: Số 56 (sau), 58, 60, 62, 64 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Điện thoại: (028) 3821 8812 Fax: (028) 3821 8813

CHƯƠNG II

CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ

Điều 8. Mục tiêu đầu tư

Quỹ Đầu tư Năng động Lighthouse hướng tới việc tối đa hóa lợi nhuận dài hạn thông qua chiến lược đầu tư đa dạng hóa vào cổ phiếu và các tài sản tài chính khác theo quy định.

Tài sản của quỹ sẽ được phân bổ năng động, tùy thuộc vào diễn biến của thị trường và cơ hội đầu tư tại các thời điểm khác nhau trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật, nhằm tối đa hóa lợi ích và hạn chế rủi ro cho Nhà đầu tư.

Điều 9. Chiến lược đầu tư

1. Chiến lược đầu tư:

   Chiến lược đầu tư của Quỹ Đầu tư Năng động Lighthouse dựa trên sự kết hợp giữa việc lựa chọn cơ hội đầu tư và tính thời điểm trong việc phân bổ tỷ trọng đầu tư. Quỹ LHCDF đầu tư năng động vào cổ phiếu của các doanh nghiệp với mô hình kinh doanh tốt, tình hình tài chính lành mạnh, hoạt động ổn định hoặc có tiềm năng tăng trưởng trong dài hạn và mức định giá hấp dẫn. Quỹ cũng có thể đầu tư vào các tài sản có thu nhập cố định, bao gồm nhưng không giới hạn ở Trái phiếu Chính phủ, Trái phiếu doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng và các công cụ thị trường tiền tệ.

   Quỹ thực hiện chiến lược phân bổ tài sản chủ động và linh hoạt nhằm tận dụng các cơ hội gia tăng lợi nhuận khi thị trường tăng trưởng, đồng thời hạn chế rủi ro thất thoát vốn khi thị trường có những dấu hiệu không khả quan.

2. Lĩnh vực, ngành nghề đầu tư: Quỹ đầu tư vào các lĩnh vực, ngành nghề pháp luật không cấm.

3. Các loại tài sản Quỹ được phép đầu tư:

   Danh mục đầu tư của Quỹ phải phù hợp với mục tiêu, chiến lược đầu tư và các quy định tại Thông tư hướng dẫn hoạt động và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán:

   a. Tiền gửi tại các Ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng;

   b. Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;

   c. Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu Chính quyền địa phương;

   d. Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng;

   e. Cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức bảo lãnh thanh toán trái phiếu doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có cam kết mua lại trước hạn của tổ chức phát hành tối thiểu 01 (một) lần trong 12 (mười hai) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% (ba mươi phần trăm) giá trị đợt phát hành; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 12 (mười hai) tháng trở xuống; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, trong đó trái phiếu hoặc tổ chức phát hành được xếp hạng tín nhiệm bởi các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập theo hợp đồng xếp hạng tín nhiệm và đạt mức xếp hạng theo quy định pháp luật tại báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm gần nhất nhưng không quá 01 (một) năm tính đến thời điểm Quỹ thực hiện đầu tư. Trường hợp có từ 02 (hai) mức xếp hạng tín nhiệm trở lên của các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập khác nhau đối với cùng 01 (một) trái phiếu hoặc cùng 01 (một) tổ chức phát hành, các mức xếp hạng tín nhiệm phải đạt mức xếp hạng theo quy định pháp luật.

f. Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ.

4. Trường hợp Quỹ đầu tư vào các tài sản theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều này phải đáp ứng các điều kiện sau:

a. Đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện;

b. Đối với trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán hoặc có cam kết mua lại trước hạn thì phải có tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành.

c. Đối với trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, trong đó trái phiếu hoặc tổ chức phát hành được xếp hạng tín nhiệm thì phải có báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm gần nhất, báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm cập nhật, tài liệu về thời hạn thực hiện hợp đồng xếp hạng tín nhiệm và bậc xếp hạng tín nhiệm của tổ chức xếp hạng tín nhiệm. Tổ chức xếp hạng tín nhiệm không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành, Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát;

d. Việc đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ phải được thực hiện theo quy trình quản lý rủi ro do Công ty quản lý quỹ xây dựng, được Ban đại diện quỹ phê duyệt trước khi áp dụng, cung cấp cho Ngân hàng giám sát để giám sát việc tuân thủ quy trình.

Điều 10. Hạn chế đầu tư

1. Hạn mức của Quỹ được quy định chi tiết tuân thủ các quy định tại Thông tư hướng dẫn hoạt động và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán.

Cụ thể, cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bảo đảm các hạn mức đầu tư sau:

a. Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của quỹ tại Ngân hàng giám sát, Quỹ không được đầu tư quá 49% (bốn mươi chín phần trăm) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản theo quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 9 Điều lệ này;

b. Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% (mười phần trăm) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;

c. Không được đầu tư quá 20% (hai mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 9 Điều lệ này của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ;

d. Không được đầu tư quá 30% (ba mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm a, b, d và e khoản 3 Điều 9 Điều lệ này phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% (ba mươi lăm phần trăm) cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ;

e. Không được đầu tư quá 20% (hai mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm e khoản 3 Điều 9 Điều lệ Quỹ, trong đó, không được đầu tư quá 5% (năm phần trăm) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch bị hạn chế chuyển nhượng từ 03 (ba) năm trở lên. Trường hợp trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ hoặc tổ chức phát hành của trái phiếu có xếp hạng tín nhiệm không còn đạt mức xếp hạng tín nhiệm quy định tại điểm e khoản 3 Điều 9 Điều lệ này hoặc kết thúc xếp hạng tín nhiệm nhưng chưa được bán, Quỹ không được đầu tư quá 20% (hai mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm e khoản 3 Điều 9 Điều lệ này và vào các trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ không còn đạt mức xếp hạng tín nhiệm quy định tại điểm e khoản 3 Điều 9 Điều lệ này hoặc kết thúc xếp hạng tín nhiệm nhưng chưa được bán;

f. Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá

40% (bốn mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản của quỹ. Trong đó, hạng mục đầu tư lớn của quỹ là hạng mục đầu tư vào các loại tài sản quy định tại điểm b, d, e và f khoản 3 Điều 9 Điều lệ này (ngoại trừ chứng chỉ tiền gửi) phát hành bởi cùng một tổ chức, có tổng giá trị chiếm từ 5% (năm phần trăm) trở lên tổng giá trị tài sản của quỹ;

g. Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;

h. Không được đầu tư vào chứng chỉ quỹ của chính Quỹ đó;

i. Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:

- Không đầu tư vào quá 10% (mười phần trăm) tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- Không đầu tư quá 20% (hai mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- Không đầu tư quá 30% (ba mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.

j. Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;

k. Phải có chứng khoán của ít nhất 06 tổ chức phát hành.

2. Các hạn chế đầu tư được phép sai lệch và nguyên nhân:

Cơ cấu đầu tư của Quỹ chỉ được vượt mức so với các hạn chế đầu tư đã quy định tại điểm a, b, c, d, e, f và i khoản 1 Điều này và chỉ do các nguyên nhân sau:

a. Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;

b. Thực hiện các khoản thanh toán của Quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;

c. Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;

d. Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách Quỹ, hợp nhất Quỹ, sáp nhập Quỹ mà thời gian hoạt động chưa quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh;

e. Quỹ đang trong thời gian giải thể.

3. Công ty quản lý quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư đáp ứng các hạn mức đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều này trong thời hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày sai lệch phát sinh.

4. Trường hợp Công ty quản lý quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Quỹ, Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày phát hiện ra sai lệch. Trong trường hợp này, Công ty quản lý quỹ phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu phát sinh). Nếu phát sinh lợi nhuận thì phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.

5. Công ty quản lý quỹ chỉ được gửi tiền và đầu tư công cụ thị trường tiền tệ quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 9 Điều lệ này của các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban đại diện quỹ phê duyệt.

6. Đối với các giao dịch vào các tài sản được phép đầu tư theo phương thức thỏa thuận (trừ trường hợp giao dịch hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi và giao dịch thực hiện trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán nhưng không bao gồm giao dịch trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ), Công ty quản lý quỹ phải bảo đảm:

a. Được sự chấp thuận bằng văn bản của Ban đại diện quỹ về khoảng giá dự kiến, thời điểm thực

hiện, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, loại tài sản giao dịch trước khi thực hiện giao dịch;

b. Trường hợp mức giá thực tế mua cao hơn hoặc giá bán thực tế thấp hơn giá tham chiếu của tổ chức cung cấp báo giá hoặc giá tham chiếu trung bình của các tổ chức cung cấp báo giá hoặc vượt quá khoảng giá đã được chấp thuận theo quy định tại điểm a khoản này, Công ty quản lý quỹ phải giải thích để Ban đại diện quỹ quyết định.

7. Công ty quản lý quỹ phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Ban đại diện quỹ về khoảng giá dự kiến, khoảng thời gian thực hiện, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, loại tài sản giao dịch đối với các giao dịch hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi được thực hiện trong thời hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày được Ban đại diện quỹ chấp thuận và phải tuân thủ quy định tại điểm b khoản 6 Điều này.

Điều 11. Hoạt động vay, cho vay, giao dịch ký quỹ

Hoạt động vay, cho vay, giao dịch mua bán lại, giao dịch ký quỹ, bán khống của Quỹ phải được quy định chi tiết theo các quy định tại Thông tư hướng dẫn hoạt động và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán:

1. Công ty quản lý quỹ không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào.
2. Công ty quản lý quỹ không được phép vay để đầu tư, trừ trường hợp vay ngắn hạn theo quy định của pháp luật về ngân hàng để trang trải các chi phí cần thiết cho Quỹ hoặc thực hiện thanh toán các giao dịch chứng chỉ quỹ với nhà đầu tư. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ không được quá 5% (năm phần trăm) giá trị tài sản ròng của Quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa 30 (ba mươi) ngày.
3. Công ty quản lý quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán) cho Quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác; không được sử dụng tài sản của Quỹ thực hiện các giao dịch bán khống, cho vay chứng khoán.
4. Quỹ được thực hiện các giao dịch mua bán lại công cụ nợ của Chính phủ phù hợp với quy định của Bộ Tài chính về quản lý giao dịch công cụ nợ của Chính phủ.

Điều 12. Phương pháp lựa chọn đầu tư

1. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với công cụ thị trường tiền tệ: Áp dụng phương pháp tiếp cận từ trên xuống (Top-Down Approach). Theo đó việc phân bổ tài sản sẽ dựa trên những đánh giá toàn diện về xu thế của kinh tế vĩ mô, chính sách của nhà nước, tính thanh khoản của các kỳ hạn.

2. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với công cụ nợ: Áp dụng phương pháp tiếp cận từ trên xuống (Top-Down Approach). Theo đó việc phân bổ tài sản sẽ dựa trên những đánh giá toàn diện về xu thế của kinh tế vĩ mô, chính sách của nhà nước, tính thanh khoản của các kỳ hạn.

3. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với cổ phiếu: Quỹ áp dụng phương pháp sàng lọc theo cách tiếp cận từ trên xuống (Top-Down Approach) thông qua phân tích vĩ mô tổng quan nền kinh tế, các chính sách và định hướng của Chính phủ nhằm lựa chọn các ngành được hưởng lợi, từ đó lựa chọn ra những cổ phiếu của các công ty có các yếu tố cơ bản tốt, năng lực cạnh canh trền vững, có tiềm năng tăng trưởng và ở mức định giá hấp dẫn.

   Quỹ cũng áp dụng phương pháp phân tích cơ bản theo cách tiếp cận từ dưới lên (Bottom-Up Approach) nhằm thẩm định tiềm năng tăng trưởng, tính bền vững và rủi ro của các khoản đầu tư. Quỹ sẽ tiến hành thẩm định theo tuần tự (i) mô hình kinh doanh, loại hình sản phẩm hay dịch vụ đang cung cấp, tiềm năng tăng trưởng lợi nhuận, sức mạnh cũng như sự ổn định tài chính, giá trị tài sản, dự báo dòng tiền và chất lượng quản trị; (ii) tình hình chung của ngành bao gồm tình hình cạnh tranh, thị phần, tiềm năng tăng trưởng; (iii) những thay đổi của các chỉ báo kinh tế và chu kỳ kinh tế, những ảnh hưởng của chính sách tài khóa và tiền tệ trên tổng sản phẩm quốc nội, lãi suất, lạm phát,...

4. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với trái phiếu: Áp dụng phương pháp tiếp cận từ dưới lên

(Bottom-Up Approach). Theo đó việc lựa chọn từng trái phiếu cụ thể sẽ dựa trên các phân tích cơ bản đối với tổ chức phát hành và áp dụng mô hình định mức tín nhiệm phù hợp nhằm giảm thiểu rủi ro nhưng không bỏ lỡ cơ hội gia tăng giá trị cho danh mục. Quỹ sẽ xem xét đầu tư vào trái phiếu của tổ chức phát hành có tình hình tài chính, lịch sử tín dụng, có tài sản đảm bảo và phương án sử dụng vốn tốt.

5. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với các tài sản đầu tư khác: Công ty quản lý quỹ sẽ trình Ban đại diện phê duyệt về phương pháp lựa chọn và giải ngân theo đề xuất được phê duyệt.

CHƯƠNG III

NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

Điều 13. Nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư của Quỹ là tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước sở hữu ít nhất là 01 (một) chứng chỉ Quỹ Đầu tư Năng động Lighthouse trở lên. Nhà đầu tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc nghĩa vụ khác ngoài trách nhiệm trong phạm vi số chứng chỉ Quỹ mà họ sở hữu.
2. Nhà đầu tư tổ chức bao gồm các tổ chức kinh tế, xã hội được pháp luật Việt Nam công nhận. Nhà đầu tư pháp nhân cử người đại diện hợp pháp đại diện cho số chứng chỉ quỹ mà mình sở hữu. Việc đề cử, hủy bỏ hay thay thế người đại diện này phải được thông báo bằng văn bản, do người đại diện có thẩm quyền của nhà đầu tư tổ chức ký.
3. Công ty quản lý quỹ, người có liên quan của Công ty quản lý quỹ, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, nhân viên của Công ty quản lý quỹ và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, nhân viên của Công ty quản lý quỹ được tham gia góp vốn thành lập, giao dịch chứng chỉ quỹ và trở thành nhà đầu tư.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
   a. Các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 101 Luật Chứng khoán:
      - Hưởng lợi từ hoạt động đầu tư của quỹ đầu tư chứng khoán tương ứng với tỷ lệ vốn góp;
      - Hưởng các lợi ích và tài sản được chia hợp pháp từ việc thanh lý tài sản quỹ đầu tư chứng khoán;
      - Yêu cầu Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán mua lại chứng chỉ quỹ;
      - Khởi kiện Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, Ngân hàng giám sát hoặc tổ chức liên quan nếu tổ chức này vi phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình;
      - Thực hiện quyền của mình thông qua Đại hội nhà đầu tư và chấp hành quyết định của Đại hội nhà đầu tư;

   b. Quyền được đối xử công bằng, mỗi chứng chỉ quỹ đều tạo cho người sở hữu quyền, nghĩa vụ, lợi ích ngang nhau;

   c. Quyền tự do chuyển nhượng chứng chỉ quỹ, trừ trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ Quỹ;

   d. Quyền được tiếp cận đầy đủ các thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Quỹ;

   e. Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp Đại hội nhà đầu tư và thực hiện quyền biểu quyết dưới hình thức trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác);

   f. Nghĩa vụ thanh toán đầy đủ tiền mua chứng chỉ quỹ trong thời hạn quy định của Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua chứng chỉ quỹ;

   g. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về chứng khoán và tại Điều lệ này.

2. Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư sở hữu từ 5% (năm phần trăm) trở lên tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành có các quyền sau đây:
   a. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các Nghị quyết của Ban đại diện quỹ, báo cáo tài chính

năm và các báo cáo của Ngân hàng giám sát liên quan đến hoạt động của Quỹ;

b. Yêu cầu Công ty quản lý quỹ triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư bất thường trong các trường hợp sau:

- Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát vi phạm quyền của nhà đầu tư hoặc nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền quy định tại Điều lệ Quỹ, Hợp đồng giám sát hoặc được giao bởi Đại hội nhà đầu tư, gây tổn thất cho Quỹ;
- Ban đại diện quỹ đã hết nhiệm kỳ trên 06 (sáu) tháng mà chưa được bầu thay thế;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ.

c. Yêu cầu Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát giải trình các vấn đề bất thường liên quan đến tài sản và hoạt động quản lý, giao dịch tài sản của Quỹ. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát phải trả lời nhà đầu tư;

d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội nhà đầu tư. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty quản lý quỹ chậm nhất 05 (năm) ngày làm việc trước ngày khai mạc;

e. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Quỹ.

3. Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư sở hữu từ 10% (mười phần trăm) trở lên tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành có các quyền đề cử người vào Ban đại diện quỹ. Trình tự, thủ tục đề cử áp dụng tương tự theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp áp dụng đối với việc đề cử người vào Hội đồng quản trị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% (mười phần trăm) trở lên tổng số cổ phần phổ thông.

4. Yêu cầu, kiến nghị của nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư theo quy định tại khoản 2, 3 Điều này phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số định danh cá nhân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập đối với nhà đầu tư là tổ chức; số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ và thời điểm nắm giữ của từng nhà đầu tư, tổng số chứng chỉ quỹ của cả nhóm nhà đầu tư và tỷ lệ sở hữu trong tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của Quỹ; nội dung yêu cầu, kiến nghị; căn cứ và lý do. Trường hợp triệu tập Đại hội nhà đầu tư bất thường theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này, phải kèm theo các tài liệu xác minh lý do việc triệu tập Đại hội nhà đầu tư bất thường; hoặc các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ Quỹ, Hợp đồng giám sát.

Điều 15. Sổ đăng ký nhà đầu tư

1. Công ty quản lý quỹ thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng lập và quản lý sổ đăng ký nhà đầu tư chính (sổ chính) hoặc ủy quyền đại lý ký danh lập, quản lý sổ đăng ký nhà đầu tư phụ (sổ phụ) và xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư.

2. Sổ chính, sổ phụ phải có các thông tin sau:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty quản lý quỹ; tên, địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng giám sát; tên đầy đủ của Quỹ;

b. Tổng số chứng chỉ quỹ được quyền chào bán, tổng số chứng chỉ quỹ đã bán và tổng vốn huy động được cho Quỹ;

c. Danh sách nhà đầu tư: Họ tên, số định danh cá nhân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, địa chỉ liên lạc (đối với cá nhân), tên đầy đủ, tên viết tắt, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính (đối với tổ chức); số tài khoản lưu ký chứng khoán (nếu có); số tài khoản của nhà đầu tư hoặc số tiểu khoản kèm theo số tài khoản ký danh; số lượng chứng chỉ quỹ sở hữu, tỷ lệ sở hữu; ngày đăng ký mua

và ngày thanh toán;

d. Ngày lập sổ đăng ký nhà đầu tư.

3. Công ty quản lý quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng phải luôn có đầy đủ thông tin về sở hữu của từng nhà đầu tư, kể cả nhà đầu tư giao dịch trên tài khoản ký danh. Thông tin về tài sản của nhà đầu tư trên sổ chính là bằng chứng xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư. Quyền sở hữu của nhà đầu tư được xác lập kể từ thời điểm thông tin về sở hữu của nhà đầu tư được cập nhật tại sổ chính.

Điều 16. Giao dịch chứng chỉ quỹ mở

1. Công ty quản lý quỹ phải tổ chức giao dịch chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư. Hoạt động giao dịch phải được tổ chức định kỳ.

2. Tần suất giao dịch của Quỹ:

a. Hoạt động giao dịch được thực hiện định kỳ 01 (một) tuần 02 (hai) lần vào các ngày thứ Ba và thứ Sáu hằng tuần. Trong trường hợp ngày giao dịch rơi vào ngày nghỉ lễ thì việc giao dịch chứng chỉ quỹ sẽ được thực hiện vào ngày giao dịch kế tiếp của Quỹ. Công ty quản lý quỹ sẽ thông báo đến nhà đầu tư, đại lý phân phối và các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan về lịch giao dịch và thời điểm đóng sổ lệnh một cách cụ thể khi có các ngày nghỉ lễ xảy ra trên trang thông tin điện tử của công ty hoặc bằng thư điện tử;

b. Việc tăng tần suất giao dịch định kỳ, thời điểm tăng tần suất giao dịch sẽ được Công ty quản lý quỹ thông báo công khai, cập nhật chỉnh sửa, bổ sung phần thay đổi này vào Bản cáo bạch, thông báo cho Ngân hàng giám sát và công bố thông tin theo quy định pháp luật. Công ty quản lý quỹ sẽ cập nhật nội dung thay đổi này vào Điều lệ tại kỳ họp Đại hội nhà đầu tư gần nhất. Việc giảm tần suất giao dịch sẽ được Đại hội nhà đầu tư thông qua theo quy định và luôn đảm bảo tần suất giao dịch tối thiểu 02 (hai) lần trong 01 (một) tháng.

3. Lệnh mua

a. Lệnh mua của nhà đầu tư phải gửi kèm xác nhận việc nhà đầu tư đã hoàn tất việc thanh toán vào tài khoản của Quỹ hoặc Ngân hàng giám sát xác nhận với Công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan đã nhận đầy đủ tiền mua chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, đại lý ký danh. Việc xác nhận hoàn tất thanh toán được thực hiện bằng văn bản, thư điện tử hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân hàng giám sát đã được Công ty quản lý quỹ chấp thuận;

b. Nhà đầu tư thanh toán giao dịch mua chứng chỉ quỹ dưới hình thức chuyển khoản vào tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng giám sát; giá trị giao dịch của lệnh mua phải không nhỏ hơn giá trị mua tối thiểu quy định tại Bản cáo bạch;

c. Số lượng chứng chỉ quỹ bán cho nhà đầu tư hoặc đại lý ký danh có thể là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy;

d. Quy trình nhận, thực hiện lệnh mua, các trường hợp giao dịch mua không hợp lệ, chênh lệch tiền và cách thức giải quyết được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch của Quỹ.

4. Lệnh bán

a. Lệnh bán của nhà đầu tư chỉ được thực hiện khi nhà đầu tư, đại lý ký danh có đủ số lượng đơn vị quỹ để bán theo yêu cầu và số lượng đơn vị quỹ còn lại sau giao dịch của nhà đầu tư không thấp hơn số lượng tối thiểu (nếu có) để duy trì tài khoản, tiểu khoản quy định tại Bản cáo bạch;

b. Lệnh bán có thể không thực hiện, hoặc chỉ được thực hiện một phần theo quy định tại Điều 17 Điều lệ Quỹ;

c. Thời hạn thanh toán thực hiện theo quy định tại Bản cáo bạch nhưng không quá 05 (năm)

ngày làm việc, kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ, trừ trường hợp quy định tại Điều 17 Điều lệ này;

d. Tiền bán chứng chỉ quỹ được Quỹ chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của nhà đầu tư, đại lý ký danh đã đăng ký hoặc tài khoản ngân hàng do nhà đầu tư chỉ định hoặc tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư do nhà đầu tư chỉ định;

e. Quy trình nhận, thực hiện lệnh bán, điều kiện thực hiện lệnh bán, các trường hợp giao dịch bán không hợp lệ và cách thức giải quyết được quy định chi tiết ở Bản cáo bạch của Quỹ.

5. Lệnh chuyển đổi

a. Nhà đầu tư có thể thực hiện việc chuyển đổi chứng chỉ quỹ khi Công ty quản lý quỹ có từ 02 (hai) quỹ mở trở lên;

b. Lệnh bán đối với chứng chỉ quỹ bị bán được thực hiện trước, sau đó mới thực hiện lệnh mua chứng chỉ của quỹ mục tiêu;

c. Các lệnh được thực hiện tại các ngày giao dịch chứng chỉ của các quỹ tương ứng;

d. Nhà đầu tư chỉ phải thanh toán giá dịch vụ chuyển đổi, không phải thanh toán giá dịch vụ mua lại, giá dịch vụ phát hành đối với các lệnh thực hiện theo quy định tại điểm b, c khoản này;

e. Nguyên tắc thực hiện giao dịch chuyển đổi chứng chỉ quỹ, quy trình nhận và thực hiện lệnh chuyển đổi được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch của Quỹ.

6. Thời điểm đóng sổ lệnh:

a. Thời điểm đóng sổ lệnh tại đại lý phân phối áp dụng cho việc nhà đầu tư nộp đầy đủ hồ sơ với đại lý phân phối trước 14h30 ngày làm việc gần nhất trước ngày giao dịch;

b. Trường hợp thời điểm đóng sổ lệnh rơi vào ngày nghỉ lễ hoặc ngày nghỉ bù theo quy định thì việc nhận lệnh sẽ được thực hiện vào ngày làm việc liền trước đó. Công ty quản lý quỹ sẽ thông báo cho nhà đầu tư, đại lý phân phối, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan khi thời điểm đóng sổ lệnh rơi vào các trường hợp trên;

c. Công ty quản lý quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan chỉ thực hiện các lệnh nhận được trước thời điểm đóng sổ lệnh. Các lệnh nhận được sau thời điểm đóng sổ lệnh tiếp tục có giá trị để thực hiện tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ kế tiếp, trừ trường hợp nhà đầu tư có yêu cầu hủy lệnh.

7. Phương thức thanh toán

a. Công ty quản lý quỹ mở tài khoản tiền của Quỹ tại Ngân hàng giám sát để nhận tiền thanh toán mua chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, đại lý ký danh;

b. Trường hợp lệnh mua chứng chỉ quỹ và việc thanh toán cho lệnh mua được thực hiện bởi cá nhân, tổ chức khác không phải là nhà đầu tư, phiếu lệnh và xác nhận việc thanh toán phải nêu rõ tên, số tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ, số tiểu khoản giao dịch hoặc số định danh cá nhân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và giá trị thanh toán của nhà đầu tư.

8. Việc đầu tư chứng chỉ quỹ theo Chương trình đầu tư định kỳ (gọi tắt là "SIP") (nếu có áp dụng cho Quỹ) được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch của Quỹ.

Điều 17. Mua lại một phần, tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ mở, mức phòng vệ thanh khoản

1. Phương pháp để quản lý thanh khoản của Quỹ bao gồm: đáp ứng một phần lệnh của nhà đầu tư, tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ, áp dụng mức phòng vệ thanh khoản.

2. Công ty quản lý quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh bán, lệnh mua, lệnh chuyển đổi của nhà đầu tư khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a. Tổng giá trị các lệnh bán (kể cả lệnh bán từ hoạt động chuyển đổi) trừ tổng giá trị các lệnh mua (kể cả lệnh mua từ hoạt động chuyển đổi) tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ lớn hơn hoặc bằng 5% (năm phần trăm) của giá trị tài sản ròng của Quỹ; hoặc

b. Việc thực hiện toàn bộ lệnh giao dịch của nhà đầu tư dẫn tới:

- Giá trị tài sản ròng của Quỹ thấp hơn 50 (năm mươi) tỷ đồng; hoặc
- Giá trị phần đơn vị quỹ hoặc số đơn vị quỹ còn lại trên tài khoản của nhà đầu tư thấp hơn giá trị tối thiểu hoặc số lượng đơn vị quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản của nhà đầu tư theo quy định tại Điều lệ này và Bản cáo bạch (nếu có); hoặc
- Giá trị tài sản ròng còn lại hoặc số đơn vị quỹ còn lại của Quỹ thấp hơn giá trị tài sản ròng tối thiểu hoặc số đơn vị quỹ lưu hành tối thiểu đã được quy định tại Điều lệ này và Bản cáo bạch (nếu có); hoặc
- Số lượng đơn vị quỹ lưu hành vượt quá khối lượng tối đa (nếu có) quy định tại Điều lệ này và Bản cáo bạch; hoặc

c. Các trường hợp khác theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Việc thực hiện một phần lệnh bán, lệnh mua, lệnh chuyển đổi của nhà đầu tư sẽ được áp dụng theo nguyên tắc cùng một tỷ lệ. Phần giá trị được thực hiện sẽ được phân bổ cho tất cả các nhà đầu tư đăng ký giao dịch tại một kỳ giao dịch theo cùng một tỷ lệ giữa giá trị thực hiện và giá trị đăng ký giao dịch. Cách thức giải quyết đối với các phần lệnh chưa được thực hiện được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch của Quỹ. Trong trường hợp lệnh bán chỉ được thực hiện một phần, quy định về số dư chứng chỉ quỹ tối thiểu trên tài khoản sẽ không áp dụng.

4. Đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 17 Điều lệ Quỹ, Công ty quản lý quỹ được kéo dài thời hạn thanh toán tối đa 30 (ba mươi) ngày sau khi được Ban đại diện quỹ chấp thuận, kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ.

5. Công ty quản lý quỹ có thể tạm dừng các giao dịch chứng chỉ quỹ khi xảy ra một trong các sự kiện sau:

a. Công ty quản lý quỹ không thể thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ theo yêu cầu do nguyên nhân bất khả kháng;

b. Công ty quản lý quỹ không thể xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày định giá mua lại chứng chỉ quỹ do chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ bị đình chỉ giao dịch theo quyết định của Sở giao dịch chứng khoán; hoặc

c. Các trường hợp khác do Điều lệ Quỹ quy định hoặc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xét thấy là cần thiết.

6. Công ty quản lý quỹ phải báo cáo Ban đại diện quỹ và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại khoản 5 Điều này, trừ trường hợp theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và phải tiếp tục thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt.

7. Thời hạn tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ không kéo dài quá 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ.

8. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ, Công ty quản lý quỹ sẽ tổ chức họp để lấy ý kiến Đại hội nhà đầu tư về việc giải thể Quỹ hoặc tách Quỹ hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ.

9. Trong thời hạn triệu tập Đại hội nhà đầu tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ chấm dứt, Công ty quản lý quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại hội nhà đầu tư.

10. Mức phòng vệ thanh khoản là mức áp dụng đối với nhà đầu tư khi thực hiện bán chứng chỉ quỹ

trong điều kiện tính thanh khoản của Quỹ mở sụt giảm do nguyên nhân bất khả kháng. Việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản đảm bảo các nguyên tắc sau:

a. Công ty quản lý quỹ phải xây dựng chính sách về việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản cho Quỹ. Chính sách về việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản cho Quỹ phải được Đại hội nhà đầu tư phê duyệt và cập nhật tại Bản cáo bạch.

b. Việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản trong từng trường hợp cụ thể phải được Đại hội nhà đầu tư quyết định hoặc giao cho Ban đại diện quỹ quyết định theo quy định tại Chính sách về việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản.

c. Toàn bộ số tiền thu được từ mức phòng vệ thanh khoản nêu trên phải được tính vào thu nhập của Quỹ.

d. Mức phòng vệ thanh khoản tối đa là 5% (năm phần trăm) giá trị giao dịch. Mức phòng vệ thanh khoản cụ thể được quy định tại Bản cáo bạch hoặc công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối.

e. Các nguyên tắc khác theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Giá bán, giá mua lại

1. Giá phát hành lần đầu của một đơn vị quỹ là mức giá mà nhà đầu tư phải thanh toán cho Công ty quản lý quỹ trong đợt chào bán lần đầu, được tính bằng mệnh giá của một chứng chỉ quỹ cộng với giá dịch vụ phát hành (nếu có).
2. Giá bán một đơn vị quỹ được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tính tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ cộng với giá dịch vụ phát hành (nếu có).
3. Giá mua lại một đơn vị quỹ được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tính tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ trừ đi giá dịch vụ mua lại (nếu có). Trong trường hợp Quỹ áp dụng mức phòng vệ thanh khoản, mức giá mà Công ty quản lý quỹ phải thanh toán cho nhà đầu tư được trừ thêm mức phòng vệ thanh khoản.
4. Giá dịch vụ mua lại, giá dịch vụ phát hành và giá dịch vụ chuyển đổi được phép quy định với các mức khác nhau, căn cứ vào thời hạn nắm giữ chứng chỉ quỹ, mục tiêu đầu tư, hoặc giá trị khoản đầu tư. Các mức giá dịch vụ cụ thể quy định tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt hoặc được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối. Giá dịch vụ phát hành tối đa 5% (năm phần trăm) giá trị giao dịch. Giá dịch vụ mua lại, giá dịch vụ chuyển đổi tối đa 3% (ba phần trăm) giá trị giao dịch.
5. Việc tăng các mức giá dịch vụ chỉ được thực hiện khi mức giá dịch vụ sau khi tăng không vượt quá các mức tối đa quy định tại khoản 4 Điều này và Bản cáo bạch. Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là sau 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày Công ty quản lý quỹ công bố về các mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của công ty.

Điều 19. Thừa kế chứng chỉ quỹ

1. Việc thừa kế chứng chỉ quỹ phải phù hợp với quy định của pháp luật về thừa kế. Quỹ chỉ chấp nhận người thừa kế hợp pháp và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc thừa kế hoặc người thừa kế.
2. Công ty quản lý quỹ hoặc Ngân hàng giám sát sẽ đăng ký người thừa kế hợp pháp trong sổ đăng ký nhà đầu tư sau khi người thừa kế đó đã cung cấp đầy đủ bằng chứng hợp pháp về việc thừa kế.

Điều 20. Giải pháp cho vấn đề thua lỗ của Quỹ

Trường hợp Quỹ bị thua lỗ, khoản lỗ được dồn sang năm sau để tính lợi nhuận lũy kế. Quỹ sẽ không chi trả lợi tức nếu lợi nhuận lũy kế bị lỗ.

CHƯƠNG IV

ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 21. Đại hội nhà đầu tư

1. Đại hội nhà đầu tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ và tất cả các nhà đầu tư có tên trong sổ đăng ký nhà đầu tư trước khi triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự.
2. Đại hội nhà đầu tư do Công ty quản lý quỹ triệu tập và quyết định những nội dung sau:
   a. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ;
   b. Thay đổi cơ bản trong chính sách, mục tiêu đầu tư của Quỹ; tăng mức giá dịch vụ trả cho: Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát; thay thế Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát;
   c. Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất Quỹ; giải thể Quỹ; thay đổi thời hạn hoạt động của Quỹ;
   d. Phương án phân phối lợi tức;
   e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chủ tịch và các thành viên Ban đại diện quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban đại diện quỹ; thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hằng năm của Quỹ, doanh nghiệp thẩm định giá độc lập (nếu có); thông qua các báo cáo tài chính, báo cáo về tài sản và hoạt động hằng năm của Quỹ;
   f. Xem xét và xử lý vi phạm của Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát và Ban đại diện quỹ gây tổn thất cho Quỹ;
   g. Yêu cầu Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát xuất trình sổ sách kế toán hoặc giấy tờ giao dịch tại Đại hội nhà đầu tư;
   h. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ này.
3. Chương trình và nội dung họp Đại hội nhà đầu tư được Công ty quản lý quỹ xây dựng tương ứng với chương trình họp, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Tối thiểu 07 (bảy) ngày làm việc trước khi diễn ra cuộc họp Đại hội nhà đầu tư, Công ty quản lý quỹ phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước toàn bộ chương trình, nội dung họp và các tài liệu có liên quan, đồng thời công bố thông tin về việc triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của cuộc họp.
4. Quỹ không bắt buộc phải họp Đại hội nhà đầu tư thường niên.

Điều 22. Đại hội nhà đầu tư bất thường

1. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm triệu tập họp bất thường Đại hội nhà đầu tư trong các trường hợp sau:
   a. Công ty quản lý quỹ hoặc Ngân hàng giám sát, hoặc Ban đại diện quỹ xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của Quỹ;
   b. Theo yêu cầu của nhà đầu tư hay nhóm nhà đầu tư theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 14 Điều lệ này;
   c. Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.
2. Việc tổ chức họp bất thường Đại hội nhà đầu tư được thực hiện trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày Công ty quản lý quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội nhà đầu tư.
3. Trường hợp Công ty quản lý quỹ không triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều này, Công ty quản lý quỹ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Quỹ (nếu có). Trường hợp Công ty quản lý quỹ không triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều này, trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban đại diện

quỹ hoặc Ngân hàng giám sát thay thế Công ty quản lý quỹ triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ này.

Điều 23. Điều kiện, thể thức tiến hành họp, thông qua quyết định Đại hội nhà đầu tư

1. Cuộc họp Đại hội nhà đầu tư được tiến hành khi có số nhà đầu tư tham dự đại diện cho trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết. Hình thức tham gia và biểu quyết là trực tiếp hoặc uỷ quyền tham gia và biểu quyết hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác) theo quy định tại Điều lệ này.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, Đại hội nhà đầu tư được tiến hành không phụ thuộc vào số nhà đầu tư tham dự.
3. Đại hội nhà đầu tư thông qua Nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
4. Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư về các nội dung quy định tại điểm b và c khoản 2 Điều 21 Điều lệ Quỹ phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội nhà đầu tư. Trong trường hợp này, quyết định tại Đại hội nhà đầu tư được thông qua khi số nhà đầu tư đại diện trên 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả nhà đầu tư dự họp tán thành.
5. Quyết định của Đại hội nhà đầu tư được thông qua tại cuộc họp khi được số nhà đầu tư đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả nhà đầu tư dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.
6. Công ty quản lý quỹ được lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này. Nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản được quy định như dưới đây và quy định tại Phụ lục 1.5 của Điều lệ này, phù hợp với quy định pháp luật về doanh nghiệp Trong trường hợp này, công ty quản lý quỹ phải tuân thủ thời hạn gửi phiếu và tài liệu họp cho nhà đầu tư như trường hợp mời họp Đại hội nhà đầu tư.
    a. Công ty quản lý quỹ chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội nhà đầu tư và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả nhà đầu tư có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc, gửi thư điện tử hoặc các hình thức hợp pháp khác tới địa chỉ đăng ký của tất cả nhà đầu tư và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ;
    b. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
        - Tên, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ; tên, trụ sở chính, số và ngày cấp giấy phép thành lập Công ty quản lý quỹ;
        - Mục đích lấy ý kiến;
        - Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với nhà đầu tư là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với nhà đầu tư là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của nhà đầu tư là tổ chức; số lượng chứng chỉ quỹ và số phiếu biểu quyết của nhà đầu tư;
        - Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;
        - Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
        - Thời hạn phải gửi về công ty quản lý quỹ phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
        - Họ, tên, chữ ký của chủ tịch Ban đại diện quỹ và người đại diện theo pháp luật của Công ty quản lý quỹ;

c. Nhà đầu tư có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty bằng hình thức gửi thư, fax, thư điện tử hoặc các hình thức điện tử khác theo quy định sau đây:

- Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của nhà đầu tư là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
- Trường hợp gửi bằng các hình thức điện tử khác, nhà đầu tư tuân thủ theo Quy chế hướng dẫn thực hiện do công ty hoặc Ban đại diện quỹ ban hành;
- Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

d. Ban đại diện tổ chức kiểm phiếu và lập biên ban kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của nhà đầu tư không phải là thành viên của Ban đại diện hoặc không phải là nhân viên của Công ty quản lý quỹ cùng sự tham gia và giám sát của Ngân hàng giám sát. Biên bản kiểm phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ; tên, trụ sở chính, số và ngày cấp giấy phép thành lập Công ty quản lý quỹ;
- Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- Số nhà đầu tư với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó, phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách nhà đầu tư tham gia biểu quyết;
- Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- Họ, tên, chữ ký của chủ tịch Ban đại diện, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

e. Các thành viên Ban đại diện, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

f. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty quản lý quỹ;

g. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội nhà đầu tư. Biên bản kiểm phiếu có giá trị tương đương biên bản họp Đại hội nhà đầu tư.

7. Trường hợp lấy ý kiến Đại hội nhà đầu tư dưới hình thức bằng văn bản, nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư được thông qua khi số nhà đầu tư đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả nhà đầu tư có quyền biểu quyết tán thành.

8. Công ty quản lý quỹ, Ban đại diện quỹ có trách nhiệm xem xét, bảo đảm các Nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này. Trong trường hợp quyết định của Đại hội nhà đầu tư không phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này thì phải tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư để lấy ý kiến lại hoặc lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản.

Điều 24. Phản đối quyết định của Đại hội nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư quỹ mở phản đối quyết định đã được thông qua bởi Đại hội nhà đầu tư về một số nội dung quy định tại mục b và c khoản 2 Điều 21 Điều lệ này có quyền yêu cầu Công ty quản lý quỹ mua lại chứng chỉ quỹ của mình hoặc chuyển đổi sang quỹ khác cùng loại hình của Công ty quản lý quỹ. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ liên lạc của nhà đầu tư, số lượng đơn vị quỹ, lý do yêu cầu mua lại hoặc đề nghị chuyển đổi sang quỹ khác do công ty quản lý. Yêu cầu phải được nhà đầu tư gửi tới trụ sở chính của Công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Đại hội nhà đầu tư thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên.
2. Trong thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày công bố kết quả họp Đại hội nhà đầu tư, Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm hoàn tất việc mua lại hoặc chuyển đổi chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư phản đối quyết định của Đại hội nhà đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều này. Trong trường hợp này, mức giá mua lại được xác định trên cơ sở giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ tại kỳ giao dịch chứng chỉ quỹ gần nhất kể từ khi Công ty quản lý quỹ nhận được yêu cầu của nhà đầu tư và nhà đầu tư không phải thanh toán giá dịch vụ mua lại, giá dịch vụ chuyển đổi.

CHƯƠNG V

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Điều 25. Ban đại diện quỹ

1. Ban đại diện quỹ có 03 (ba) thành viên được bầu tại cuộc họp Đại hội nhà đầu tư hoặc được nhà đầu tư cho ý kiến bằng văn bản. Việc đề cử, ứng cử thành viên Ban đại diện quỹ phải tuân thủ quy định sau:

   a. Thông tin liên quan đến các ứng viên Ban đại diện quỹ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ chậm nhất 10 (mười) ngày trước ngày triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư để bầu thành viên Ban đại diện quỹ. Thông tin tối thiểu phải bao gồm: họ tên, ngày tháng năm sinh; trình độ chuyên môn; trình độ quản lý; kinh nghiệm trong hoạt động quản lý tài sản, hoặc phân tích đầu tư hoặc các kinh nghiệm trong hoạt động chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm; quá trình công tác và kết quả đạt được; các công ty, quỹ mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban đại diện quỹ; các lợi ích có liên quan tới Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát (nếu có); các thông tin khác nếu có liên quan;

   b. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban đại diện quỹ thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban đại diện quỹ đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại mục c khoản 1 Điều này. Cơ chế đề cử hay cách thức Ban đại diện quỹ đương nhiệm đề cử ứng viên Ban đại diện quỹ được công bố rõ ràng và được Đại hội nhà đầu tư thông qua trước khi tiến hành đề cử;

   c. Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử thành viên Ban đại diện quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị:

      - Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban đại diện quỹ, Công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu là 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử của công ty để nhà đầu tư có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu;

      - Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban đại diện quỹ thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định, Ban đại diện quỹ đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử;

      - Trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày bổ nhiệm, miễn nhiệm, thay đổi thành viên Ban đại diện quỹ, Công ty quản lý quỹ thông báo cho Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước, gửi danh sách Ban đại diện quỹ và hồ sơ cá nhân các thành viên mới của Ban đại diện quỹ;

      - Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày cơ cấu Ban đại diện quỹ, thành viên Ban đại diện quỹ không còn đáp ứng điều kiện theo quy định, Ban đại diện quỹ có trách nhiệm lựa chọn thành viên Ban đại diện quỹ đáp ứng quy định làm thành viên Ban đại diện quỹ tạm thời thay thế. Thành viên tạm thời thay thế thực hiện quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện quỹ cho tới khi Đại hội nhà đầu tư chính thức bổ nhiệm thành viên thay thế.

      - Trong trường hợp người được đại diện theo uỷ quyền của nhà đầu tư tổ chức là thành viên Ban đại diện quỹ, việc thay đổi người đại diện theo uỷ quyền đó của nhà đầu tư tổ chức là sự kiện để chấm dứt tư cách thành viên của Ban đại diện quỹ đối với người bị thay đổi. Người được cử làm đại diện theo uỷ quyền mới của nhà đầu tư tổ chức nêu trên không đương nhiên trở thành thành viên Ban đại diện quỹ mà chỉ trở thành thành viên Ban đại diện quỹ nếu được Đại hội nhà đầu tư bầu theo quy định.

2. Tối thiểu 2/3 số thành viên của Ban đại diện quỹ là các thành viên độc lập theo nguyên tắc sau:

a. Không phải là người có liên quan của Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát, hoặc đại diện theo uỷ quyền của các tổ chức này;

b. Đáp ứng các quy định khác tại Điều lệ Quỹ (nếu có).

3. Trong Ban đại diện quỹ phải có:

a. Tối thiểu 01 (một) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán;

b. Tối thiểu 01 (một) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong hoạt động phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản;

c. Tối thiểu 01 (một) thành viên có trình độ chuyên môn về pháp luật.

Điều 26. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện quỹ

1. Nhiệm kỳ của thành viên Ban đại diện quỹ không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị:

a. Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự;

b. Không bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp;

c. Có chuyên môn, kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính hoặc ngân hàng hoặc bảo hiểm hoặc chứng khoán hoặc kế toán hoặc kiểm toán hoặc luật hoặc tốt nghiệp một trường đại học với chuyên ngành thuộc một trong các lĩnh vực vừa nêu;

d. Theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 41 Luật Chứng khoán

3. Những người sau đây không được là thành viên Ban đại diện quỹ:

a. Các trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị:

- Những người thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- Người đang làm việc cho Công ty quản lý quỹ, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty quản lý quỹ; người đã từng làm việc cho Công ty quản lý quỹ, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty quản lý quỹ ít nhất trong 03 (ba) năm liền trước đó;
- Người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty quản lý quỹ, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Ban đại diện được hưởng theo quy định;
- Người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty quản lý quỹ; người quản lý của Công ty quản lý quỹ hoặc công ty con của Công ty quản lý quỹ;
- Người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty quản lý quỹ;
- Người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty quản lý quỹ tối thiểu trong 05 (năm) năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 (hai) nhiệm kỳ.

b. Là thành viên của trên 05 (năm) Ban đại diện quỹ đại chúng, Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

c. Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Quỹ.

Điều 27. Quyền và nghĩa vụ của Ban đại diện quỹ

1. Đại diện cho quyền lợi của nhà đầu tư, thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật để bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư.
2. Phê duyệt sổ tay định giá giá trị tài sản ròng của Quỹ; danh sách các tổ chức cung cấp báo giá; danh sách các tổ chức tín dụng theo quy định tại khoản 5 Điều 10 Điều lệ này; chấp thuận các giao dịch theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 10 Điều lệ này.
3. Quyết định mức lợi tức phân phối theo phương án phân chia lợi nhuận đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua; thời điểm thực hiện, cách thức và hình thức phân phối lợi nhuận.
4. Quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát trên cơ sở quy định của pháp luật.
5. Yêu cầu Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin về hoạt động quản lý tài sản và hoạt động giám sát.
6. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ Quỹ.

Điều 28. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện quỹ

1. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị của công ty niêm yết và tại Điều lệ Quỹ.
2. Thực hiện nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tốt nhất của Quỹ; không được uỷ quyền cho người khác thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của mình đối với Quỹ.
3. Tham dự đầy đủ các cuộc họp Ban đại diện quỹ và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.

Điều 29. Chủ tịch Ban đại diện quỹ

1. Đại hội nhà đầu tư bầu chủ tịch Ban đại diện quỹ trong số thành viên Ban đại diện quỹ. Chủ tịch Ban đại diện quỹ phải là thành viên độc lập.
2. Chủ tịch Ban đại diện quỹ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
    a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban đại diện quỹ;
    b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban đại diện quỹ;
    c. Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban đại diện quỹ;
    d. Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Điều lệ này.

Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Ban đại diện quỹ

Thực hiện theo quy định của pháp luật doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị:

1. Đại hội nhà đầu tư miễn nhiệm thành viên Ban đại diện quỹ trong những trường hợp sau đây:
    a. Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 26 của Điều lệ này;
    b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
    c. Chết, bị tòa án tuyên bố mất tích, chết hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.
2. Đại hội nhà đầu tư bãi nhiệm thành viên Ban đại diện quỹ trong những trường hợp sau đây:
    a. Không tham gia vào các hoạt động của Ban đại diện quỹ trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
    b. Tiết lộ các bí mật mà những bí mật này đi ngược lại với các lợi ích của Quỹ;
    c. Bị khởi tố hoặc truy tố;

d. Bị cấm không cho giữ chức thành viên Ban đại diện quỹ do quy định của pháp luật hoặc của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội nhà đầu tư quyết định thay thế thành viên Ban đại diện quỹ; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban đại diện quỹ ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Ban đại diện quỹ phải triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư để bầu bổ sung thành viên Ban đại diện quỹ trong trường hợp sau đây:

a. Số thành viên Ban đại diện quỹ bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Quỹ. Trường hợp này, Ban đại diện quỹ phải triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b. Số lượng thành viên độc lập Ban đại diện quỹ giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại Điều Lệ;

c. Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội nhà đầu tư bầu thành viên mới thay thế thành viên Ban đại diện quỹ đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 31. Thủ tục điều hành của Ban đại diện quỹ

1. Trường hợp chủ tịch Ban đại diện quỹ vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên Ban đại diện quỹ được chủ tịch Ban đại diện quỹ uỷ quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của chủ tịch Ban đại diện quỹ.

2. Trường hợp không có người được uỷ quyền, các thành viên Ban đại diện quỹ còn lại chọn một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức chủ tịch Ban đại diện quỹ theo nguyên tắc nhất trí. Việc bầu lại chủ tịch Ban đại diện quỹ sẽ được thực hiện tại Đại hội nhà đầu tư gần nhất.

Điều 32. Cuộc họp Ban đại diện quỹ

1. Ban đại diện quỹ tổ chức họp tối thiểu 03 (ba) tháng 01 (một) lần hoặc theo yêu cầu của Công ty quản lý quỹ.

2. Trình tự tổ chức cuộc họp, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên trước 05 (năm) ngày, đối với các cuộc họp bất thường là trước 01 (một) ngày.

3. Cuộc họp Ban đại diện quỹ được tổ chức khi có tối thiểu 2/3 số thành viên dự họp, trong đó số thành viên độc lập phải chiếm đa số (trên 50% số thành viên dự họp trở lên). Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản hoặc tham dự và biểu quyết thông qua điện thoại, internet và các phương tiện truyền tin, nghe, nhìn với sự chứng kiến của tất cả các thành viên dự họp. Quyết định của Ban đại diện quỹ được thông qua nếu được đa số thành viên và đa số thành viên độc lập thông qua.

4. Quyết định của Ban đại diện quỹ được thông qua bằng biểu quyết tại các cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc thông qua điện thoại, internet và các phương tiện truyền tin, nghe, nhìn. Mỗi thành viên của Ban đại diện quỹ có một phiếu biểu quyết.

Điều 33. Biên bản họp Ban đại diện quỹ

Biên bản họp Ban đại diện quỹ phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và chủ tọa phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Trường hợp chủ toạ, thư ký từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Ban đại diện quỹ tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp Ban đại diện quỹ phải được lưu giữ tại Công ty quản lý quỹ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và Điều lệ Quỹ.

CHƯƠNG VI

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Điều 34. Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty quản lý quỹ

Công ty quản lý quỹ được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

1. Được thực hiện nghiệp vụ quản lý quỹ;
2. Độc lập với Ngân hàng giám sát;
3. Có đầy đủ cơ sở vật chất, nhân sự để quản lý quỹ mở;
4. Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ lục 1.1 và Phụ lục 1.3 của Điều lệ Quỹ.

Điều 35. Quyền và nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ

1. Nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ:
   a. Tuân thủ Điều lệ của Quỹ và quy định của pháp luật; tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ;
   b. Công ty quản lý quỹ là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng;
   c. Quản lý Quỹ theo chiến lược đầu tư và mục tiêu đầu tư được Đại hội nhà đầu tư thông qua và theo quy định của Điều lệ và của pháp luật;
   d. Công ty quản lý quỹ phải thiết lập hệ thống quản trị rủi ro và ban hành chiến lược, chính sách và quy trình quản trị rủi ro phù hợp với mô hình tổ chức, quy mô hoạt động của công ty, các loại hình quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán do công ty quản lý. Hệ thống quản trị rủi ro, chiến lược, chính sách, quy trình quản trị rủi ro xây dựng dựa theo các thông lệ quốc tế phù hợp với điều kiện thị trường Việt Nam và theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
   e. Khi quản lý tài sản của Quỹ, Công ty quản lý quỹ phải đảm bảo:
      - Ký Hợp đồng giám sát với Ngân hàng giám sát; lưu ký toàn bộ tài sản phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam và lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin dữ liệu về sở hữu, lưu ký bản gốc các tài liệu pháp lý xác minh quyền sở hữu tài sản tại ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát;
      - Thực hiện việc đầu tư tài sản của Quỹ theo các quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ;
      - Trường hợp đầu tư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi của Quỹ, Công ty quản lý quỹ chỉ được gửi tại các tổ chức tín dụng trong danh sách được Ban đại diện quỹ phê duyệt; cung cấp đầy đủ thông tin về các hợp đồng tiền gửi, các tài khoản tiền gửi cho ngân hàng lưu ký, Ngân hàng giám sát để các tổ chức này đối soát số dư tài khoản tiền gửi, giá trị các hợp đồng tiền gửi với tổ chức tín dụng nhận tiền gửi; lưu trữ bản gốc hợp đồng tiền gửi và cung cấp các hợp đồng đó theo yêu cầu của ngân hàng lưu ký, Ngân hàng giám sát;
      - Trường hợp đầu tư góp vốn, phần vốn góp, cổ phiếu chưa niêm yết cho Quỹ, chưa đăng ký giao dịch, trái phiếu chưa niêm yết cho Quỹ, Công ty quản lý quỹ phải lưu ký bản gốc hoặc bản sao hợp lệ các hợp đồng giao dịch, chứng từ giao dịch, hoặc bản gốc sổ đăng ký cổ đông hoặc sổ đăng ký thành viên hoặc tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản tại Ngân hàng giám sát để các tổ chức này định kỳ đối soát với tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư;
      - Xây dựng hệ thống thông tin quản lý các tài khoản của khách hàng ủy thác tại Công Ty bảo đảm nguyên tắc quản lý độc lập và tách biệt tài sản của Quỹ và tài sản của chính Công ty quản lý quỹ, tài sản của khách hàng ủy thác khác do Công ty quản lý quỹ quản lý;

lưu trữ đầy đủ, kịp thời sổ sách kế toán, chứng từ giao dịch và các tài liệu liên quan tới giao dịch và sở hữu tài sản của Quỹ; tổng hợp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin về tài sản của Quỹ và nơi lưu ký các tài sản đó;

- Thiết lập cơ chế kiểm tra, thường xuyên đối soát ba bên bảo đảm có sự thống nhất về dữ liệu tài sản của Quỹ trên hệ thống tài khoản của Quỹ quản lý tại Công ty quản lý quỹ, hệ thống lưu ký tài sản của Quỹ tại Ngân hàng giám sát với các tổ chức phát hành, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, tổ chức quản lý sổ đăng ký cổ đông, chủ dự án, tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, tổ chức nhận tiền gửi. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thiết lập cơ chế để Ngân hàng giám sát chủ động, trực tiếp đối soát với các tổ chức nêu trên nhằm kiểm tra, giám sát, tổng hợp đầy đủ và chính xác thông tin về việc lưu ký, đăng ký sở hữu và quản lý tài sản của Quỹ;
- Phân công tối thiểu 02 (hai) người điều hành Quỹ để quản lý, điều hành hoạt động đầu tư của Quỹ. Những người điều hành Quỹ nêu trên phải có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ, có tối thiểu 02 năm kinh nghiệm trong hoạt động quản lý tài sản và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán. Thông tin về trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ, kinh nghiệm quản lý tài sản của người điều hành Quỹ phải được công khai tại Bản cáo bạch.

f. Công ty quản lý quỹ phải thiết lập quy trình phân bổ lệnh giao dịch, phân bổ tài sản giao dịch một cách hợp lý, công bằng khi thực hiện giao dịch cho Quỹ, cho khách hàng ủy thác khác và cho bản thân Công ty quản lý quỹ. Quy trình phân bổ tài sản phải nêu rõ nguyên tắc thực hiện, phương pháp xác định giá, khối lượng tài sản phân bổ cho từng đối tượng khách hàng ủy thác, bảo đảm phù hợp với mục tiêu đầu tư, mức chấp nhận rủi ro của từng khách hàng ủy thác. Quy trình này phải được cung cấp cho Ngân hàng giám sát và được áp dụng thống nhất.

g. Trong hoạt động quản trị Quỹ và hoạt động đại lý chuyển nhượng, Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm bảo đảm:

- Thực hiện việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ theo quy định của Điều lệ này và của pháp luật;
- Lập, lưu trữ và cập nhật kịp thời, đầy đủ và chính xác Sổ Đăng Ký nhà đầu tư; và
- Công ty quản lý quỹ được ủy quyền hoạt động quản trị Quỹ, hoạt động đại lý chuyển nhượng cho bên thứ ba. Trong việc ủy quyền hoạt động này, Công ty quản lý quỹ phải tuân thủ quy định của pháp luật về hướng dẫn hoạt động Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

h. Công ty quản lý quỹ có nghĩa vụ cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin cần thiết về Quỹ, danh mục tài sản của Quỹ, thông tin về giao dịch tài sản của Quỹ, tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, người có liên quan của Công ty quản lý quỹ, các thông tin khác cho Ngân hàng giám sát. Công ty quản lý quỹ phải cung cấp thông tin theo yêu cầu bằng văn bản của Ngân hàng giám sát và tạo điều kiện thuận lợi để Ngân hàng giám sát thực hiện đầy đủ quyền và trách nhiệm đối với Quỹ theo quy định của pháp luật. Tối thiểu 01 (một) tháng 01 (một) lần, Công ty quản lý quỹ có nghĩa vụ đối chiếu danh mục tài sản của Quỹ với Ngân hàng giám sát;

i. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Ngân hàng giám sát phát hiện và thông báo cho Công ty quản lý quỹ về các giao dịch tài sản của Quỹ trái với quy định hoặc vượt quá thẩm quyền của Công ty quản lý quỹ theo quy định của pháp luật hoặc quy định của Điều lệ này thì Công ty quản lý quỹ phải huỷ bỏ giao dịch, hoặc thực hiện các giao dịch nhằm khôi phục danh mục của Quỹ. Công ty quản lý quỹ phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu có). Trường hợp các giao dịch này phát sinh lợi nhuận, mọi khoản lợi nhuận phải hạch toán vào tài sản của Quỹ;

j. Công ty quản lý quỹ phải ban hành quy trình quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy trình

nghiệp vụ phù hợp với nghiệp vụ kinh doanh của công ty, quy trình kiểm soát nội bộ, sổ tay định giá; quy trình về điều kiện, trình tự, thủ tục triệu tập, thể thức tiến hành họp và thông qua quyết định tại đại hội nhà đầu tư áp dụng chung cho các quỹ, quy tắc đạo đức nghề nghiệp chi tiết tại từng vị trí công tác. Các quy trình được triển khai áp dụng thống nhất trong hoạt động của công ty;

k. Công ty quản lý quỹ chịu trách nhiệm đền bù các tổn thất gây ra cho Quỹ do lỗi của nhân viên, sự cố hoặc lỗi của hệ thống kỹ thuật và quy trình nghiệp vụ của Công ty quản lý quỹ hoặc do Công ty quản lý quỹ không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của pháp luật hoặc quy định tại Điều lệ này. Việc bồi thường cho Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về quỹ đầu tư chứng khoán và thỏa thuận giữa các bên liên quan;

l. Công ty quản lý quỹ mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho nhân viên làm việc tại bộ phận nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán (nếu xét thấy cần thiết), hoặc trích lập quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ để bồi thường thiệt hại cho Quỹ trong các trường hợp quy định tại điểm (k) bên trên;

m. Công ty quản lý quỹ phải tuân thủ các quy định về phòng chống rửa tiền theo quy định pháp luật hiện hành. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thực hiện và yêu cầu các đại lý phân phối, xây dựng, thiết lập hệ thống và tổ chức thực hiện quy trình tổng hợp thông tin, nhận diện khách hàng theo các quy định của pháp luật về phòng chống rửa tiền và các quy định của pháp luật về chứng khoán và các quy định pháp luật có liên quan. Khi thực hiện nhận biết khách hàng, Công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối được quyết định gặp mặt trực tiếp hoặc không gặp mặt trực tiếp khách hàng. Trường hợp không gặp mặt trực tiếp khách hàng, Công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối phải đảm bảo có các biện pháp, hình thức, công nghệ để nhận biết, thu thập đầy đủ thông tin khách hàng và xác minh chính xác khách hàng theo quy định của pháp luật về chứng khoán, pháp luật về phòng chống rửa tiền, pháp luật về giao dịch điện tử, các quy định pháp luật có liên quan về đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin khách hàng;

n. Công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối phải lưu trữ đầy đủ thông tin, dữ liệu nhận biết khách hàng theo quy định của pháp luật về chứng khoán, pháp luật về phòng chống rửa tiền và quy định pháp luật có liên quan. Các thông tin nhận biết khách hàng phải được lưu trữ dự phòng, bảo mật và cung cấp theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

o. Trước khi triển khai hoạt động nhận biết khách hàng bằng phương pháp không gặp mặt trực tiếp, Công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối thông qua Công ty quản lý quỹ phải thông báo tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Trong trường hợp cần thiết, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước yêu cầu Công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối tạm dừng hoặc chấm dứt việc thực hiện nhận biết khách hàng bằng phương pháp không gặp mặt trực tiếp;

p. Khi thực hiện giao dịch tài sản cho Quỹ, Công ty quản lý quỹ bảo đảm:

- Giá trị giao dịch trong một năm thông qua một công ty chứng khoán không được vượt quá 50% (năm mươi phần trăm) tổng giá trị giao dịch của Quỹ trong năm đó; và
- Giá trị giao dịch trong một năm thông qua công ty chứng khoán là Người Có Liên Quan của Công ty quản lý quỹ, không được vượt quá 20% (hai mươi phần trăm) tổng giá trị giao dịch của Quỹ trong năm đó;

Quy định tại điểm này không áp dụng đối với: quỹ đại chúng có thời gian hoạt động chưa đủ 06 (sáu) tháng tính từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đến hết năm mà Quỹ đó được thành lập và quỹ mở trái phiếu có tổng giá trị giao dịch trong năm thấp hơn 300 (ba trăm) tỷ đồng.

q. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm bảo mật thông tin của Quỹ, thông tin về giao dịch tài sản, danh mục đầu tư của Quỹ và các thông tin khác liên quan, trừ trường hợp cung cấp thông tin cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền theo

yêu cầu của các cơ quan này;

r. Thực hiện các nghĩa vụ về báo cáo sở hữu và công bố thông tin cho Quỹ theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

s. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm hằng năm tổ chức đào tạo, tập huấn cho nhân viên, cử người hành nghề chứng khoán tham gia các khóa tập huấn do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tổ chức (nếu có), bảo đảm đội ngũ nhân viên được cập nhật kỹ năng, chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức về pháp luật. Thông tin về các hoạt động này của công ty phải được gửi kèm trong báo cáo hoạt động hằng năm gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

t. Công ty quản lý quỹ khi sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư gián tiếp ra nước ngoài phải tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, quản lý ngoại hối và các quy định liên quan. Trước khi thực hiện, Công ty quản lý quỹ phải được Ban đại diện quỹ hoặc Đại hội nhà đầu tư chấp thuận bằng văn bản, Điều lệ Quỹ có quy định cho phép và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan quản lý Nhà Nước có thẩm quyền liên quan chấp thuận bằng văn bản;

u. Công ty quản lý quỹ phải cập nhật đầy đủ, kịp thời các thay đổi về tổ chức và hoạt động của công ty vào cơ sở dữ liệu Công ty quản lý quỹ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

v. Công ty quản lý quỹ phải bảo đảm:

- Tách biệt về trụ sở, hạ tầng công nghệ thông tin với các tổ chức khác. Trường hợp Công ty quản lý quỹ sử dụng hạ tầng công nghệ thông tin của công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là người có liên quan thì phải sử dụng cơ chế phân quyền và bảo mật, bảo đảm các bộ phận của công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là người có liên quan không truy cập được vào hệ thống máy tính, cơ sở dữ liệu của Công ty quản lý quỹ;
- Tách biệt về cơ sở vật chất, nhân sự, cơ sở dữ liệu giữa các hoạt động nghiệp vụ tiềm ẩn xung đột lợi ích trong Công ty quản lý quỹ, trong đó có sự tách biệt giữa hoạt động quản lý tài sản ủy thác; hoạt động nghiên cứu, phân tích đầu tư; hoạt động thực hiện đầu tư; hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán. Hệ thống máy tính và cơ sở dữ liệu được phân quyền tới từng cá nhân, bộ phận, phù hợp với vị trí công tác theo quy định về kiểm soát nội bộ;
- Tách biệt về cơ sở vật chất, nhân sự, cơ sở dữ liệu giữa hoạt động đầu tư tài chính của công ty với các hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán;

w. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và của pháp luật.

2. Quyền của Công ty quản lý quỹ:

a. Lựa chọn Ngân hàng giám sát theo các tiêu chuẩn quy định tại Điều lệ này và ký Hợp đồng giám sát với Ngân hàng giám sát;

b. Được ủy quyền cho Ngân hàng giám sát và một số tổ chức được cung cấp các dịch vụ liên quan tới hoạt động quản lý Quỹ thực hiện một số hoặc toàn bộ hoạt động quản trị Quỹ. Công ty quản lý quỹ phải chịu trách nhiệm liên quan tới việc ủy quyền và bảo đảm quan hệ ủy quyền và trách nhiệm trong hoạt động quản trị Quỹ cho các tổ chức này không gây ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của nhà đầu tư;

c. Có quyền từ chối phát hành chứng chỉ quỹ cho những tổ chức không được phép đầu tư vào Quỹ theo quy định của pháp luật hoặc cho nhà đầu tư cá nhân không có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

d. Có quyền nhận giá dịch vụ quản lý quỹ phù hợp với quy định tại Điều lệ này, Bản cáo bạch và pháp luật hiện hành;

e. Đại diện cho quyền lợi của nhà đầu tư như được quy định tại Điều lệ này và theo đó thực hiện

các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm đối với tài sản thuộc sở hữu của Quỹ theo quy định của Điều lệ này và của pháp luật;

f. Tham gia Đại hội nhà đầu tư và các cuộc họp của Ban đại diện quỹ, bao gồm tất cả các cuộc họp định kỳ và bất thường của các cơ quan này, theo quy định của Điều lệ này;

g. Được quyền yêu cầu nhà đầu tư cung cấp toàn bộ và đầy đủ các thông tin mà Công ty quản lý quỹ cho là cần thiết để xác định nguồn thu nhập, nhân thân của nhà đầu tư đó nhằm mục đích tuân thủ các quy định về phòng chống rửa tiền của Công ty quản lý quỹ và theo quy định pháp luật hiện hành;

h. Ký hợp đồng phân phối chứng chỉ quỹ với các đại lý phân phối;

i. Các quyền khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 36. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty quản lý quỹ

1. Công ty quản lý quỹ sẽ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong những trường hợp theo quy định tại Điều lệ này và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành:

   a. Công ty quản lý quỹ tự nguyện đề nghị chấm dứt quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ;

   b. Theo yêu cầu của Đại hội nhà đầu tư;

   c. Công ty quản lý quỹ bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán;

   d. Tổ chức lại Công ty quản lý quỹ;

   e. Quỹ hết thời hạn hoạt động (nếu có);

   f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Trong trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty quản lý quỹ được chuyển giao cho một Công ty quản lý quỹ khác phải theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Chi phí bồi thường khi thay đổi Công ty quản lý quỹ

   Trong trường hợp Quỹ có sự thay đổi Công ty quản lý quỹ theo quy định tại điểm b, khoản 1 của Điều này, Quỹ sẽ phải bồi thường cho Công ty quản lý quỹ một khoản tiền (ngoài các khoản tiền dịch vụ đã được quy định tại Điều lệ Quỹ) theo tỷ lệ như sau:

Chi phí bồi thường	Thời điểm thay thế Công ty quản lý quỹ
3%/ giá trị tài sản ròng	Trong vòng 03 năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động
1,5%/ giá trị tài sản ròng	Sau 03 năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động

   Giá trị tài sản ròng được sử dụng để tính chi phí bồi thường cho Công ty quản lý quỹ là giá trị tài sản ròng bình quân của giá trị tài sản ròng theo báo cáo giá trị tài sản ròng của 52 (năm mươi hai) tuần liền trước thời điểm Đại hội nhà đầu tư thông qua quyết định thay đổi Công ty quản lý quỹ được Ngân hàng giám sát xác nhận.

Điều 37. Hạn chế đối với hoạt động của Công ty quản lý quỹ

1. Công ty quản lý quỹ không được là người có liên quan hoặc có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với Ngân hàng giám sát, Ngân Hàng Lưu Ký của Quỹ mà công ty đang quản lý. Thành viên hội đồng quản trị, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, ban kiểm soát (nếu có), ban điều hành, nhân viên của Công ty quản lý quỹ không được làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ tại Ngân hàng giám sát và ngược lại.

2. Công ty quản lý quỹ, người có liên quan của Công ty quản lý quỹ được tham gia góp vốn thành lập,

đầu tư vào Quỹ, giao dịch chứng chỉ quỹ mở mà công ty đang quản lý với các mức giá giao dịch áp dụng như đối với các nhà đầu tư khác theo quy định tại Điều lệ này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, ban điều hành, nhân viên của Công ty quản lý quỹ không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa Công ty quản lý quỹ, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào, ngoại trừ các loại giá dịch vụ và thưởng như quy định tại Điều lệ này.

4. Công ty quản lý quỹ, công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành, nhân viên của công ty chỉ được là đối tác mua, bán tài sản trong danh mục tài sản ủy thác mà công ty đang quản lý theo quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ.

5. Trong hoạt động quản lý tài sản của Quỹ, Công ty quản lý quỹ bảo đảm:

   a. Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính Quỹ;

   b. Không được sử dụng tài sản của khách hàng ủy thác quản lý danh mục, quỹ, công ty đầu tư chứng khoán do mình quản lý để đầu tư vào quỹ, công ty đầu tư chứng khoán khác do mình quản lý, ngoại trừ khách hàng ủy thác quản lý danh mục chỉ định đầu tư, khách hàng ủy thác là cá nhân nước ngoài, tổ chức được thành lập theo pháp luật nước ngoài, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài, quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện và các khách hàng này đã chấp thuận cho phép thực hiện các giao dịch nêu trên;

   c. Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính Công ty quản lý quỹ; không đầu tư vào tổ chức là người có liên quan của Công ty quản lý quỹ; không đầu tư vào tổ chức mà thành viên hội đồng quản trị hoặc hội đồng thành viên, thành viên ban điều hành, nhân viên của công ty là cổ đông hoặc thành viên sở hữu trên 10% (mười phần trăm) vốn điều lệ;

   d. Không được sử dụng tài sản của Quỹ để cho vay dưới mọi hình thức, bảo lãnh cho các khoản vay dưới mọi hình thức hoặc thanh toán các nghĩa vụ nợ của Công ty quản lý quỹ, người có liên quan của Công ty quản lý quỹ, tổ chức, cá nhân khác. Quy định này không áp dụng trong trường hợp cho vay dưới hình thức đầu tư tiền gửi tại các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật ngân hàng, hoặc mua trái phiếu được phát hành, giao dịch trái phiếu theo quy định của pháp luật;

   e. Không được đưa ra nhận định hoặc bảo đảm với khách hàng ủy thác về mức thu nhập hoặc lợi nhuận đạt được trên khoản đầu tư hoặc bảo đảm khách hàng ủy thác không bị thua lỗ, trừ trường hợp đầu tư vào chứng khoán có thu nhập cố định; không được ký các hợp đồng nhận ủy thác đầu tư vào trái phiếu với lãi suất không phù hợp với thực tế thị trường và kết quả phân tích đầu tư của công ty; không trực tiếp hay gián tiếp, bù đắp một phần hoặc toàn bộ các khoản thua lỗ của khách hàng ủy thác do hoạt động đầu tư;

   f. Không được thực hiện các giao dịch nhằm làm giảm lợi nhuận của một khách hàng ủy thác để làm tăng lợi nhuận của một khách hàng ủy thác khác; không được giao kết hợp đồng, thực hiện giao dịch với các điều khoản bất lợi cho khách hàng ủy thác.

6. Công ty quản lý quỹ chỉ được sử dụng vốn chủ sở hữu và vốn của các khách hàng ủy thác để mua và sở hữu (không tính số cổ phiếu trong danh mục của khách hàng ủy thác là quỹ hoán đổi danh mục) từ 25% (hai mươi lăm phần trăm) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một công ty đại chúng, chứng chỉ quỹ đóng đang lưu hành của một quỹ đóng khi đảm bảo đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ;

7. Công ty quản lý quỹ không được uỷ quyền, thuê ngoài các tổ chức tại Việt Nam để cung cấp dịch vụ quản lý quỹ.

8. Các hạn chế khác theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động Công ty quản lý quỹ.

CHƯƠNG VII

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Điều 38. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân hàng giám sát

1. Ngân hàng giám sát do Công ty quản lý quỹ lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 116 Luật Chứng khoán;
2. Ngân hàng giám sát phải hoàn toàn độc lập và tách biệt với Công ty quản lý quỹ mà ngân hàng cung cấp dịch vụ giám sát.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát

1. Nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát:
   a. Luôn luôn hành động vì lợi ích tốt nhất của nhà đầu tư Quỹ;
   b. Chịu trách nhiệm đối với những tổn thất gây ra cho Quỹ do những sai sót của ngân hàng;
   c. Đảm bảo thực hiện giám sát hoạt động của Công ty quản lý quỹ trong việc quản lý tài sản quy theo quy định tại Luật Chứng khoán, các quy định có liên quan và Điều lệ này;
   d. Cung cấp các dịch vụ giám sát, lưu ký tài sản của Quỹ theo đúng quy định của pháp luật liên quan, Hợp đồng giám sát và Điều lệ Quỹ;
   e. Tách bạch tài sản của Quỹ với tài sản của Công ty quản lý quỹ, tài sản của các quỹ khác, tài sản của những khách hàng khác của Ngân hàng giám sát và tài sản của chính Ngân hàng giám sát;
   f. Đảm bảo và hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với tài sản của Quỹ khi uỷ thác cho tổ chức lưu ký phụ;
   g. Giám sát hoặc tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ theo tần suất phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ, đảm bảo việc tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ là chính xác;
   h. Xử lý các giao dịch về chứng khoán phù hợp với chỉ thị hợp pháp của Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát có thể từ chối những chỉ thị đó nếu Ngân hàng giám sát có cơ sở để tin rằng những chỉ thị này là không hợp pháp hoặc không phù hợp với Điều lệ Quỹ. Việc từ chối phải được gửi bằng văn bản đến Công ty quản lý quỹ và nêu rõ lý do, bản sao gửi đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
   i. Thực hiện đối chiếu thường xuyên tài sản của Quỹ với Công ty quản lý quỹ;
   j. Thanh toán những khoản chi phí hợp lý, hợp lệ của Quỹ theo chỉ thị hợp pháp của Công ty quản lý quỹ, đảm bảo những khoản chi phí đó phù hợp với các quy định pháp luật và các điều khoản của Điều lệ Quỹ;
   k. Thanh toán tiền cho nhà đầu tư của Quỹ khi Công ty quản lý quỹ thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, hoặc khi Quỹ phân phối thu nhập hoặc khi Quỹ thanh lý, giải thể thanh toán cho nhà đầu tư và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ, theo đúng chỉ thị hợp pháp của Công ty quản lý quỹ, đảm bảo rằng những khoản thanh toán được thực hiện phù hợp với các điều khoản của Điều lệ Quỹ;
   l. Giữ sổ theo dõi riêng về những thay đổi trong tổng số chứng chỉ quỹ phát hành, số chứng chỉ quỹ sở hữu bởi từng nhà đầu tư, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, địa chỉ và cập nhật tất cả những thay đổi nếu có.
2. Quyền của Ngân hàng giám sát
   a. Ngân hàng giám sát được hưởng các loại giá dịch vụ, phí cung cấp dịch vụ giám sát, bảo quản tài sản quỹ theo Điều lệ Quỹ và phù hợp với các quy định của pháp luật;

b. Được quyền tham dự các cuộc họp của Đại hội nhà đầu tư và của Ban đại diện quỹ nhưng không được quyền biểu quyết.

Điều 40. Hoạt động giám sát của Ngân hàng giám sát

1. Phạm vi giám sát chỉ hạn chế trong các hoạt động của Công ty quản lý quỹ có liên quan tới Quỹ mà Ngân hàng giám sát thực hiện chức năng giám sát. Trong hoạt động giám sát, Ngân hàng giám sát phải:

   a. Phối hợp với Công ty quản lý quỹ định kỳ rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc, phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ; giám sát việc xác định giá trị tài sản ròng; kiểm tra, đảm bảo giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ.

   b. Giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ, kiểm tra lại bảo đảm loại tài sản đầu tư, cơ cấu danh mục đầu tư là phù hợp với các quy định về hạn chế đầu tư, hạn chế vay theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ Quỹ; giám sát các giao dịch tài sản giữa Quỹ với Công ty quản lý quỹ và người có liên quan, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật và tại Điều lệ Quỹ.

      Trong trường hợp phát hiện vi phạm các quy định của pháp luật, Ngân hàng giám sát phải báo cáo ngay cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và thông báo cho Công ty quản lý quỹ trong vòng 24 (hai mươi bốn) giờ, kể từ khi phát hiện sự việc đồng thời yêu cầu Công ty quản lý quỹ thực hiện biện pháp xử lý, khắc phục kịp thời các hậu quả phát sinh trong thời hạn theo quy định;

   c. Giám sát việc tổ chức thực hiện, kiểm tra kết quả hợp nhất, sáp nhập, giải thể, thanh lý tài sản Quỹ;

   d. Giám sát, bảo đảm tính hợp pháp và chỉ thanh toán từ tài sản của Quỹ các khoản chi phù hợp với quy định của pháp luật và các quy định tại Điều lệ Quỹ;

   e. Giám sát các hoạt động khác của Công ty quản lý quỹ trong việc quản lý tài sản của Quỹ theo đúng quy định tại Điều 116 Luật Chứng khoán, các quy định có liên quan tại các văn bản hướng dẫn Luật Chứng khoán và tại Điều lệ Quỹ;

   f. Xác nhận các báo cáo về giá trị tài sản ròng, hoạt động đầu tư, danh mục đầu tư của Quỹ do Công ty quản lý quỹ lập.

2. Ngân hàng giám sát có trách nhiệm lập và lưu trữ trong thời gian 10 (mười) năm các hồ sơ, chứng từ dưới dạng văn bản và tệp dữ liệu điện tử nhằm xác nhận việc tuân thủ trong hoạt động của Ngân hàng giám sát đối với Công ty quản lý quỹ theo các quy định của pháp luật. Các tài liệu này phải được cung cấp theo yêu cầu bằng văn bản của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

3. Khi có yêu cầu bằng văn bản của Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết cho Công ty quản lý quỹ, tổ chức kiểm toán được chấp thuận để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ.

4. Ngân hàng giám sát có quyền yêu cầu Công ty quản lý quỹ kịp thời cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết, có liên quan; thông tin về tổ chức phát hành mà Quỹ đầu tư để Ngân hàng giám sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của pháp luật. Ngân hàng giám sát có trách nhiệm bảo mật theo quy định của pháp luật đối với mọi tài liệu thông tin nhận được từ Công ty quản lý quỹ.

5. Trường hợp Công ty quản lý quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ, nhà đầu tư, Ngân hàng giám sát phải phối hợp với Công ty quản lý quỹ thực hiện thủ tục thanh toán một cách kịp thời và đầy đủ cho Quỹ, nhà đầu tư theo chỉ thị hợp pháp của Công ty quản lý quỹ. Ngân hàng giám sát liên đới cùng với Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm đền bù thiệt hại cho Quỹ trong trường hợp các thiệt hại phát

sinh do Ngân hàng giám sát không thực hiện đầy đủ và kịp thời trách nhiệm giám sát hoạt động đầu tư của Quỹ, xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ và các hoạt động giám sát khác đối với Quỹ theo các quy định của pháp luật. Mức độ bồi thường thiệt hại thực hiện theo các điều khoản của hợp đồng ký kết hoặc thỏa thuận giữa Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát.

Điều 41. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng giám sát

1. Ngân hàng giám sát chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp theo quy định tại Điều lệ này và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành:
   a. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán;
   b. Đơn phương chấm dứt hợp đồng lưu ký, hợp đồng giám sát;
   c. Quỹ hết thời gian hoạt động; bị giải thể, bị chia, bị tách, bị hợp nhất, bị sáp nhập;
   d. Theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư của Quỹ;
   e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Trong trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng giám sát được chuyển giao cho một ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VIII

CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN

Điều 42. Các hoạt động được ủy quyền

1. Công ty quản lý quỹ được quyền thuê Tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan thực hiện các dịch vụ cho Quỹ theo đúng các điều khoản và quy định trong Điều lệ này và quy định của pháp luật liên quan.
2. Các hoạt động được ủy quyền của Công ty quản lý quỹ bao gồm:
   a. Hoạt động đại lý chuyển nhượng;
   b. Hoạt động quản trị quỹ đầu tư.
3. Phạm vi và chi tiết về các hoạt động được ủy quyền theo quy định tại Điều này sẽ được thể hiện trong hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa Công ty quản lý quỹ và các Tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan. Tuy nhiên, Công ty quản lý quỹ phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện các dịch vụ này theo quy định.

Điều 43. Tiêu chí lựa chọn Tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

1. Tiêu chí về đủ năng lực, hệ thống, nhân sự, kinh nghiệm, tính chuyên nghiệp:

   Tổ chức được Công ty quản lý quỹ lựa chọn để cung cấp dịch vụ liên quan phải là các tổ chức được pháp luật cho phép về lĩnh vực thực hiện. Đồng thời, các tổ chức này phải tổ chức hệ thống cơ sở lưu trữ, xử lý dữ liệu đầy đủ. Hệ thống nhân sự phải có kinh nghiệm, được huấn luyện cập nhật thường xuyên và hoạt động chuyên nghiệp.
2. Tiêu chí về cơ cấu tổ chức của bộ phận cung cấp dịch vụ liên quan của bên nhận ủy quyền, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo:

   Giữa các bộ phận cung cấp dịch vụ liên quan của bên nhận ủy quyền phải có quy trình nghiệp vụ lẫn nhau và phải đưa ra hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo đầy đủ, rõ ràng, theo luật định.

Điều 44. Trách nhiệm của Tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

1. Nguyên tắc của hoạt động ủy quyền:

   Tổ chức nhận ủy quyền phải thực hiện công việc theo đúng phạm vi công việc đã được ủy quyền và chịu trách nhiệm trong phạm vi đã được ủy quyền phù hợp với quy định của pháp luật và hợp đồng ký với Công ty quản lý quỹ.
2. Phạm vi hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của các bên nhận ủy quyền:
   a. Đối với dịch vụ quản trị quỹ đầu tư:
      - Ghi nhận kế toán các giao dịch của Quỹ: ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào Quỹ;
      - Lập báo cáo tài chính Quỹ; phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm toán của Quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho Quỹ;
      - Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ;
      - Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, hợp đồng ký với Công ty quản lý quỹ và Điều lệ Quỹ.
   b. Đối với dịch vụ đại lý chuyển nhượng:
      - Lập và quản lý sổ chính; mở, theo dõi và quản lý hệ thống các tài khoản cá nhân, tài khoản ký danh; xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ mở;
      - Ghi nhận các lệnh mua, lệnh bán, lệnh chuyển đổi của nhà đầu tư; chuyển quyền sở hữu chứng chỉ quỹ; cập nhật sổ chính;

- Hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư;
- Duy trì kênh liên lạc với nhà đầu tư, đại lý phân phối, cơ quan quản lý Nhà nước và các tổ chức có thẩm quyền khác;
- Cung cấp sao kê tài khoản giao dịch, xác nhận giao dịch và các tài liệu khác;
- Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký với Công ty quản lý quỹ.

3. Yêu cầu về chứng từ, sổ sách, cơ sở dữ liệu:

   Các chứng từ, sổ sách liên quan đến dịch vụ được ủy quyền thực hiện phải được tổ chức nhận ủy quyền lưu trữ trong thời hạn theo yêu cầu của pháp luật. Tổ chức nhận ủy quyền có trách nhiệm tạo dựng cơ sở dữ liệu phù hợp với nhu cầu công việc đảm nhận sao cho thuận tiện, đầy đủ, hiệu quả và đúng theo yêu cầu do luật định.

4. Bên nhận ủy quyền phải thực hiện các hoạt động nhận ủy quyền một cách hiệu quả, cẩn trọng, có trách nhiệm bảo mật mọi thông tin liên quan tới nhà đầu tư và đối tác của Công ty quản lý quỹ;

5. Bên nhận ủy quyền có trách nhiệm cung cấp cho Công ty quản lý quỹ các báo cáo kiểm toán độc lập đối với các nội dung có liên quan tới hoạt động ủy quyền, phục vụ cho hoạt động kiểm tra, giám sát của Công ty quản lý quỹ.

Điều 45. Trách nhiệm của Công ty quản lý quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền

1. Việc ủy quyền không làm giảm trách nhiệm hoặc thay đổi trách nhiệm của Công ty quản lý quỹ đối với Quỹ.
2. Trước khi ký kết hợp đồng sử dụng dịch vụ của bên nhận ủy quyền, Công ty quản lý quỹ phải thẩm định và lập biên bản đánh giá năng lực và cơ sở vật chất, bảo đảm bên nhận ủy quyền có đủ trang thiết bị cơ sở vật chất, giải pháp kỹ thuật, quy trình nghiệp vụ, nhân sự có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn phù hợp để thực hiện các hoạt động uỷ quyền.
3. Thường xuyên kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động đã ủy quyền được thực hiện thận trọng, an toàn, phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ, bảo đảm chất lượng dịch vụ cung cấp phù hợp với tiêu chí và yêu cầu của Quỹ. Công ty quản lý quỹ được sử dụng tư vấn độc lập, dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức chuyên nghiệp, hoạt động hợp pháp khác để thực hiện trách nhiệm quy định này.
4. Duy trì nhân sự có kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ cần thiết để có đủ khả năng giám sát, nhận diện và quản lý hiệu quả các rủi ro phát sinh từ hoạt động đã ủy quyền.
5. Xây dựng quy trình, hệ thống bảo đảm tại mọi thời điểm Công ty quản lý quỹ, tổ chức kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền có thể tiếp cận các thông tin cần thiết để kiểm tra, giám sát các hoạt động ủy quyền, đánh giá và quản lý các rủi ro phát sinh từ hoạt động ủy quyền.
6. Công ty quản lý quỹ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm phát sinh từ việc ủy quyền. Công ty quản lý quỹ phải bảo đảm tính liên tục đối với các hoạt động đã ủy quyền, không gián đoạn và gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư.
7. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan cho bên nhận ủy quyền có thể thực thi đầy đủ, kịp thời mọi quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm trong hoạt động ủy quyền;
8. Lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác các chỉ thị, yêu cầu, văn bản gửi cho bên nhận ủy quyền để thực hiện các hoạt động ủy quyền.

Điều 46. Chấm dứt hoạt động ủy quyền

1. Tổ chức nhận ủy quyền chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ được Công ty quản lý quỹ ủy quyền đối với Quỹ trong các trường hợp sau:

   a. Tổ chức nhận ủy quyền đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình;

b. Tổ chức nhận ủy quyền chấm dứt hoạt động, bị phá sản hoặc giải thể;

c. Tổ chức nhận ủy quyền bị thu hồi giấy phép về lĩnh vực thực hiện;

d. Tổ chức nhận ủy quyền bị hợp nhất hoặc bị sáp nhập bởi tổ chức khác;

e. Theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư;

f. Theo đề nghị của Công ty quản lý quỹ;

g. Quỹ bị sáp nhập, hợp nhất vào một quỹ khác theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư;

h. Quỹ bị giải thể;

i. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Trong trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, quyền và nghĩa vụ của tổ chức cung cấp dịch vụ cho Quỹ sẽ được chuyển giao cho Công ty quản lý quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ khác được Công ty quản lý quỹ thuê.

CHƯƠNG IX

ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI, ĐẠI LÝ KÝ DANH

Điều 47. Điều kiện lựa chọn đại lý phân phối chứng chỉ quỹ

1. Là công ty chứng khoán, ngân hàng lưu ký, doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại và tổ chức kinh tế khác đã có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng, ký hợp đồng phân phối chứng chỉ quỹ với Công ty quản lý quỹ.
2. Đại lý phân phối không phải là công ty chứng khoán, Công ty quản lý quỹ, doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại, ngân hàng lưu ký phải tách bạch việc phân phối chứng chỉ quỹ với các sản phẩm khác tại các địa điểm phân phối và trên chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử thực hiện phân phối chứng chỉ quỹ đã thông báo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; chỉ được sử dụng thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng tại địa điểm phân phối và trên chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử thực hiện phân phối chứng chỉ quỹ đã thông báo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc cung cấp thông tin cho nhà đầu tư theo yêu cầu của nhà đầu tư.
3. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm đánh giá cơ sở vật chất trước khi lựa chọn đại lý phân phối và địa điểm phân phối để cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư. Trường hợp đại lý phân phối thực hiện phân phối chứng chỉ quỹ trên môi trường mạng, báo cáo đánh giá cơ sở vật chất phải liệt kê đầy đủ chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử thực hiện phân phối và các nội dung đánh giá các đại lý phân phối này đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật.
4. Công ty quản lý quỹ được thực hiện hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ cho Quỹ.

Điều 48. Hoạt động của đại lý phân phối

Hoạt động của đại lý phân phối bao gồm:

1. Tổng hợp đầy đủ thông tin về nhà đầu tư và người được hưởng lợi theo quy định của pháp luật chứng khoán và các quy định về phòng chống rửa tiền và đấu tranh chống tài trợ khủng bố;
2. Nhận và chuyển lệnh giao dịch của từng nhà đầu tư tới Công ty quản lý quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác. đại lý phân phối không được tổng hợp, bù trừ lệnh giao dịch, không được trực tiếp nhận tiền và thanh toán giao dịch chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư;
3. Hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện các thủ tục thay đổi thông tin tại sổ đăng ký nhà đầu tư, xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, chuyển quyền sở hữu theo quy định của pháp luật;
4. Duy trì kênh liên lạc liên tục và thông suốt với nhà đầu tư, đảm bảo cập nhật cho nhà đầu tư một cách chính xác, đầy đủ và kịp thời mọi thông tin và giải đáp các thắc mắc của nhà đầu tư về sản phẩm quỹ đã chào bán; thống kê, tổng hợp sao kê tài khoản, xác nhận giao dịch theo yêu cầu của nhà đầu tư; cung cấp cho nhà đầu tư Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính của Quỹ, tài liệu về các cuộc họp Đại hội nhà đầu tư, các thông tin khác; thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin theo ủy quyền của Công ty quản lý quỹ;
5. Hỗ trợ Công ty quản lý quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư; nhận ủy quyền tham dự và thực hiện quyền biểu quyết theo chỉ thị bằng văn bản của nhà đầu tư;
6. Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về nhà đầu tư và các giao dịch của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Cung cấp các thông tin này cho Công ty quản lý quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo yêu cầu của các tổ chức này.

Điều 49. Quy định chung về nghiệp vụ phân phối chứng chỉ quỹ

1. Đại lý phân phối, nhân viên phân phối phải tự nguyện, công bằng, trung thực đối với nhà đầu tư, cung cấp đầy đủ, kịp thời mọi thông tin chính xác để nhà đầu tư tự đưa ra quyết định đầu tư. Các thông tin, dữ liệu, dự báo kinh tế cung cấp cho nhà đầu tư phải dựa trên những sự kiện có thực và kèm theo các tài liệu dẫn chiếu do các tổ chức kinh tế tài chính chuyên nghiệp phát hành và đã

được công bố công khai. Nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ không được cung cấp các thông tin chưa được kiểm chứng, tin đồn, thông tin sai lệch cho nhà đầu tư.

2. Nhân viên phân phối chỉ chào bán chứng chỉ quỹ sau khi nhà đầu tư đã được cung cấp đầy đủ Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ, Bản cáo bạch tóm tắt, hoạt động của Quỹ. Nhân viên phân phối phải giải thích cho nhà đầu tư hiểu được các nội dung tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch đặc biệt là mục tiêu và chính sách đầu tư của Quỹ, chiến lược đầu tư của Quỹ đạt được mục tiêu đầu tư, đặc tính về lợi nhuận và rủi ro, chính sách phân phối lợi nhuận, thuế, giá dịch vụ và các chi phí khác; cơ chế giao dịch chứng chỉ quỹ.

3. Nhân viên phân phối phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời cho nhà đầu tư mọi thông tin về kết quả hoạt động của Quỹ với hàm ý các kết quả hoạt động trước đó chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường.

4. Nhân viên phân phối không được cung cấp thông tin sai sự thật, khuếch đại sự thật, dễ gây hiểu nhầm, cung cấp không đầy đủ thông tin, đưa ra các dự báo để dụ dỗ hay mời chào nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ, không gây hiểu nhầm về các đặc tính lợi nhuận và rủi ro của chứng chỉ quỹ. Khi so sánh với các sản phẩm quỹ mở khác, phải chỉ rõ những khác biệt giữa các quỹ để nhà đầu tư lựa chọn. Không được trực tiếp, gián tiếp thực hiện các hành vi nhằm lôi kéo, xúi giục nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ có mức độ rủi ro cao trong trường hợp nhà đầu tư chưa hiểu hết về các rủi ro tiềm ẩn khi đầu tư vào Quỹ, hoặc các quỹ đó không phù hợp với mục tiêu đầu tư và năng lực tài chính của nhà đầu tư.

5. Đại lý phân phối, nhân viên phân phối có trách nhiệm bảo mật các thông tin về nhà đầu tư, thông tin về giao dịch của nhà đầu tư, không được sử dụng các thông tin đó với bất kỳ mục đích gì, trừ trường hợp được nhà đầu tư đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

6. Đại lý phân phối không được chiết khấu, giảm giá giao dịch chứng chỉ quỹ dưới bất cứ hình thức nào, không được sử dụng lợi ích tài chính để mời chào, dụ dỗ nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ. Đại lý phân phối chỉ được tặng quà bằng hiện vật không phải bằng tiền, giá trị quà tặng tối đa không quá 01 (một) triệu đồng cho mỗi nhà đầu tư trong một chương trình khuyến mại. Đại lý phân phối phải đảm bảo việc tặng quà bằng hiện vật không mang tính chất mời chào, xúi giục, lôi kéo nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ. Đại lý phân phối không được yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa tổ chức, từ Công ty quản lý quỹ bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận, lợi ích nào để mời chào nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ, ngoài các mức Giá dịch vụ đã được công bố tại Bản cáo bạch và tại các hợp đồng phân phối ký với Công ty quản lý quỹ.

7. Đại lý phân phối không được phân phối chứng chỉ quỹ tại các địa điểm phân phối chưa đăng ký hoạt động hoặc được cấp phép hoạt động theo quy định của pháp luật hoặc chưa thông báo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Đại lý phân phối phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về hoạt động của các địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ, chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử và nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ khi phân phối chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư.

8. Công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối hàng năm phải tổ chức đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao trình độ, kiến thức cho đội ngũ nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ. Thông tin về hoạt động đào tạo trong năm của Công ty quản lý quỹ và đại lý phân phối phải được gửi kèm trong báo cáo hoạt động hàng năm của Công ty quản lý quỹ.

9. Đại lý phân phối có các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG X

KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 50. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty kiểm toán

Hàng năm, Công ty quản lý quỹ sẽ đề xuất công ty kiểm toán để trình Đại hội nhà đầu tư lựa chọn. Công ty kiểm toán được lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Không phải là người có liên quan của Công ty quản lý quỹ hoặc Ngân hàng giám sát;
2. Nằm trong danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước được công bố hàng năm; và
3. Có uy tín và kinh nghiệm kiểm toán cho các quỹ đầu tư.

Điều 51. Năm tài chính

Năm tài chính là 12 (mười hai) tháng tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hằng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.

Điều 52. Chế độ kế toán

Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định khác liên quan đến công tác kế toán cho Quỹ do các cơ quan có thẩm quyền quy định.

Điều 53. Báo cáo tài chính

1. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm chuẩn bị báo cáo tài chính thường kỳ về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Quỹ và các báo cáo cần thiết khác để tường trình hoạt động của Quỹ.
2. Các báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính hàng năm sẽ được soát xét bán niên và kiểm toán độc lập hàng năm bởi công ty kiểm toán được lựa chọn. Các bản sao của báo cáo kiểm toán và báo cáo hoạt động của Quỹ phải được gửi đến từng thành viên Ban đại diện quỹ và công bố công khai trên website của Công ty quản lý quỹ để nhà đầu tư có thể tham khảo.

Điều 54. Báo cáo khác

Công ty quản lý quỹ phải tuân thủ các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về chế độ báo cáo và công bố thông tin liên quan đến các hoạt động kinh doanh của Quỹ.

CHƯƠNG XI

GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ

Điều 55. Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

1. Công ty quản lý quỹ phải xây dựng sổ tay định giá để áp dụng một cách thống nhất trong hoạt động quản lý tài sản của Quỹ. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ và giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ.
2. Công ty quản lý quỹ được ủy quyền cho Ngân hàng giám sát xác định giá trị tài sản ròng, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ của Quỹ. Trong trường hợp này, Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát phải có cơ chế và quy trình đối chiếu, soát xét, kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định giá trị tài sản ròng được tính chính xác và phù hợp sổ tay định giá, Điều lệ này và các quy định của pháp luật.
3. Giá trị tài sản ròng của Quỹ phải được xác định định kỳ theo ngày giao dịch và hàng tháng vào ngày đầu tiên của tháng tiếp theo (để phục vụ công việc báo cáo tháng) và phải được công bố công khai theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 56. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá

1. Công ty quản lý quỹ xem xét lựa chọn và trình Ban đại diện quỹ phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá cho Quỹ. Tổ chức cung cấp báo giá được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:
   a. Có chức năng và được cấp phép hoạt động cung cấp dịch vụ báo giá;
   b. Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ báo giá;
   c. Không được là người có liên quan của Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát.
2. Tiêu chí thay đổi tổ chức cung cấp báo giá: Khi có một trong những tiêu chí sau:
   a. Tổ chức cung cấp báo giá đang báo giá không còn chức năng hoặc không được cấp phép hoạt động cung cấp dịch vụ báo giá;
   b. Tổ chức cung cấp báo giá đang báo giá trở thành người có liên quan của Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát;
   c. Có những thay đổi theo quy định của các cơ quan chức năng về phương thức báo giá.

Điều 57. Nguyên tắc, quy trình và phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

1. Nguyên tắc, quy trình thực hiện và phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ được quy định rõ trong Sổ tay định giá. Sổ tay định giá phải được Ban đại diện quỹ phê duyệt và cung cấp cho Ngân hàng giám sát để giám sát việc tính toán giá trị tài sản ròng.
2. Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định bằng Tổng giá trị tài sản có trong danh mục trừ Tổng nợ phải trả của Quỹ. Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường). Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước ngày định giá. Giá trị tài sản ròng được làm tròn theo quy định trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn giá trị tài sản ròng của Quỹ được hạch toán vào Quỹ. Phương pháp xác định giá thị trường, giá trị hợp lý các tài sản có trong danh mục, giá trị các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán thực hiện theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ này, Sổ tay định giá hoặc được Ban đại diện quỹ chấp thuận bằng văn bản.
3. Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành.
4. Giá trị tài sản ròng của Quỹ và giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ phải được Ngân hàng giám sát xác nhận. Việc xác nhận giá trị được thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ

thống thông tin điện tử của Ngân hàng giám sát đã được Công ty quản lý quỹ chấp thuận.

5. Trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ khi phát hiện giá trị tài sản ròng bị định giá sai, Ngân hàng giám sát phải thông báo và yêu cầu Công ty quản lý quỹ kịp thời điều chỉnh hoặc ngược lại trong trường hợp Ngân hàng giám sát cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng.

6. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày phát hiện giá trị tài sản ròng bị định giá sai, Công ty quản lý quỹ hoặc Ngân hàng giám sát (trong trường hợp Ngân hàng giám sát cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng) phải điều chỉnh lại và công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc định giá sai, bao gồm nguyên nhân xảy ra sự việc, thời gian bị định giá sai, biện pháp xử lý. Nội dung thông báo phải được Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát cùng ký xác nhận.

Điều 58. Đền bù thiệt hại cho nhà đầu tư, Quỹ

1. Công ty quản lý quỹ phải đền bù thiệt hại cho Quỹ, nhà đầu tư giao dịch chứng chỉ quỹ khi định giá sai giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức sai lệch như sau: Đạt từ 1,0% (Một phần trăm) giá trị tài sản ròng trở lên.

2. Trong trường hợp Quỹ bị định giá thấp, mức đền bù cho Quỹ và cho nhà đầu tư được xác định như sau:

   a. Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ trước thời gian Quỹ bị định giá sai và bán chứng chỉ quỹ trong thời gian Quỹ bị định giá sai: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng đơn vị quỹ nhà đầu tư đã bán;

   b. Đối với Quỹ: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng đơn vị quỹ mà Quỹ đã phát hành trong thời gian bị định giá sai và hiện còn đang lưu hành.

3. Trong trường hợp Quỹ bị định giá cao, mức đền bù cho Quỹ và cho nhà đầu tư được xác định như sau:

   a. Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ trong thời gian Quỹ bị định giá sai và tiếp tục sở hữu sau thời gian Quỹ bị định giá sai: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng đơn vị quỹ nhà đầu tư đã mua và còn tiếp tục nắm giữ sau thời gian bị định giá sai;

   b. Đối với Quỹ: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng đơn vị quỹ mà Quỹ đã phát hành ra trước thời gian Quỹ bị định giá sai và Quỹ đã mua lại trong thời gian đó.

CHƯƠNG XII

GIÁ DỊCH VỤ PHÁT HÀNH, THU NHẬP VÀ CÁC CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

Điều 59. Giá dịch vụ quản lý quỹ, giá dịch vụ lưu ký, giám sát

1. Giá dịch vụ quản lý quỹ

   a. Giá dịch vụ quản lý quỹ được trả cho Công ty quản lý quỹ để thực hiện dịch vụ quản lý Quỹ.

   b. Giá dịch vụ quản lý quỹ là 1,5% (Một phẩy năm phần trăm) NAV/năm.

   c. Thay đổi mức giá dịch vụ trả cho Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát phải được Đại hội nhà đầu tư quyết định.

   d. Số tiền dịch vụ phải trả hàng tháng là tổng số tiền dịch vụ được tính cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

   e. Công thức tính Giá dịch vụ quản lý vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

   Giá dịch vụ quản lý cho kỳ định giá = Tỷ lệ % Giá dịch vụ quản lý quỹ tính theo năm đang được áp dụng x NAV tại ngày định giá x Số ngày thực tế trong kỳ định giá /số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366).

2. Giá dịch vụ lưu ký, giám sát

   a. Giá dịch vụ lưu ký, giám sát được trả cho Ngân hàng giám sát để thực hiện dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ và giám sát hoạt động của Công ty quản lý quỹ. Giá dịch vụ lưu ký, giám sát được tính trên tỷ lệ phần trăm trên giá trị tài sản ròng của Quỹ.

   b. Giá dịch vụ lưu ký: 0,05% (Không phẩy không năm phần trăm) NAV/năm, tối thiểu 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng/tháng.

   c. Giá dịch vụ giám sát: 0,02% (Không phẩy không hai phần trăm) NAV/năm, tối thiểu 5.000.000 (năm triệu) đồng/tháng.

   d. Công thức tính Giá dịch vụ lưu ký, giám sát được xác định như sau:

   Giá dịch vụ lưu ký, giám sát cho kỳ định giá = Tỷ lệ % Giá dịch vụ lưu ký, giám sát tính theo năm đang được áp dụng x NAV tại ngày định giá x Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)

   Mức giá dịch vụ trên không bao gồm thuế giá trị gia tăng, các phí/giá dịch vụ thông thường khác như giá dịch vụ Ngân hàng giám sát phải trả cho bên thứ ba, giá dịch vụ giao dịch chứng khoán, phí/giá sửa lệnh,...

   e. Số tiền dịch vụ phải trả hàng tháng là tổng giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

   f. Mức giá dịch vụ và phương pháp thanh toán giá dịch vụ được quy định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát.

Điều 60. Thu nhập của quỹ

Thu nhập của quỹ bao gồm các khoản sau đây:

1. Cổ tức;
2. Lãi trái phiếu;
3. Lãi tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi hoặc các tài sản có thu nhập cố định;
4. Chênh lệch mua bán từ các hoạt động đầu tư của quỹ;
5. Số tiền thu được từ mức phòng vệ thanh khoản (trong trường hợp Quỹ áp dụng);
6. Các khoản thu nhập khác (nếu có) phát sinh từ việc đầu tư tài sản của quỹ.

Điều 61. Chi phí hoạt động của Quỹ

1. Chi phí quản lý quỹ trả cho Công ty quản lý quỹ (Giá dịch vụ quản lý quỹ);
2. Chi phí lưu ký tài sản quỹ, chi phí giám sát trả cho Ngân hàng giám sát (Giá dịch vụ lưu ký, giám sát);
3. Giá dịch vụ quản trị quỹ:
   a. Giá dịch vụ quản trị quỹ được thanh toán hàng tháng cho Tổ chức cung cấp dịch vụ để thực hiện dịch vụ quản trị quỹ cho Quỹ. Giá dịch vụ quản trị quỹ được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên giá trị tài sản ròng tại ngày định giá.
   b. Số tiền dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền được tính cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
   c. Công thức tính giá dịch vụ quản trị quỹ vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

      Giá dịch vụ quản trị quỹ cho kỳ định giá = Tỷ lệ % Giá dịch vụ quản trị quỹ (năm) x NAV tại ngày định giá x Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366).

   d. Mức giá dịch vụ và phương pháp thanh toán giá dịch vụ được quy định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ Quản trị quỹ. Giá dịch vụ quản trị quỹ được công bố chi tiết tại Bản cáo bạch của Quỹ.
4. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng:
   a. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng là mức giá do Quỹ chi trả cho Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng.
   b. Mức giá dịch vụ và phương pháp thanh toán giá dịch vụ được quy định trong Hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng được xác định theo mức giá do Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng quy định trong từng thời kỳ và được công bố chi tiết tại Bản cáo bạch của Quỹ.

Điều 62. Chi phí khác

1. Lương, thưởng và các chế độ đãi ngộ khác cho các thành viên Ban đại diện quỹ;
2. Giá dịch vụ kiểm toán trả cho công ty kiểm toán;
3. Giá dịch vụ định giá trả cho các doanh nghiệp thẩm định giá (nếu có);
4. Các chi phí khác:
   a. Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ pháp lý khác;
   b. Chi phí dự thảo, in ấn và gửi Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho nhà đầu tư, chi phí công bố thông tin của Quỹ; chi phí tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư và Ban đại diện quỹ;
   c. Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ;
   d. Chi phí liên quan đến thực hiện việc chuyển đổi Ngân hàng giám sát (nếu có) hoặc các tổ chức cung cấp dịch vụ khác;
   e. Thuế và các loại giá dịch vụ, phí, lệ phí mà Quỹ phải thanh toán theo quy định của pháp luật hoặc theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền áp dụng cho Quỹ; và
   f. Các loại chi phí khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 63. Phân chia lợi tức của Quỹ

1. Quỹ phân chia lợi tức bằng tiền hoặc bằng chứng chỉ quỹ.
2. Việc chi trả lợi tức Quỹ phải tuân thủ quy định về chế độ kế toán đối với quỹ mở và bảo đảm nguyên tắc:
   a. Lợi tức phân phối cho nhà đầu tư được lấy từ nguồn lợi nhuận đã thực hiện lũy kế đến năm

trước sau khi Quỹ đã hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính theo quy định pháp luật;

b. Mức chi trả lợi tức phải phù hợp với chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ quy định tại Điều lệ Quỹ và được Đại hội nhà đầu tư thông qua;

c. Sau khi chi trả, Quỹ vẫn phải đảm bảo có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và giá trị tài sản ròng của Quỹ sau khi chi trả lợi tức phải không thấp hơn 50 (năm mươi) tỷ đồng;

d. Trường hợp phân phối lợi tức bằng chứng chỉ quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.

3. Thông tin về hoạt động phân chia lợi nhuận của Quỹ đã thực hiện phải được cập nhật tại Bản cáo bạch sửa đổi, bổ sung.

CHƯƠNG XIII

TÁI CƠ CẤU, GIẢI THỂ QUỸ

Điều 64. Hợp nhất, sáp nhập Quỹ

1. Việc hợp nhất, sáp nhập Quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp pháp luật quy định và được Đại hội nhà đầu tư chấp thuận.
2. Việc hợp nhất, sáp nhập Quỹ phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

Điều 65. Chia, tách Quỹ mở

1. Quy định về việc chia, tách quỹ: Việc chia, tách Quỹ phải được Đại hội nhà đầu tư chấp thuận và chỉ được tiến hành trong các trường hợp sau:
   a. Công ty quản lý quỹ không thể xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ vào ngày định giá mua lại chứng chỉ quỹ do chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ bị đình chỉ giao dịch theo quyết định của Sở giao dịch chứng khoán;
   b. Các sự kiện khác mà Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xét thấy là cần thiết.
2. Việc chia, tách Quỹ phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

Điều 66. Giải thể Quỹ

1. Quy định về việc giải thể Quỹ: Việc giải thể Quỹ được tiến hành trong các trường hợp sau đây:
   a. Công ty quản lý quỹ bị giải thể, phá sản, hoặc bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động mà Ban đại diện quỹ không xác lập được Công ty quản lý quỹ thay thế trong vòng 02 (hai) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;
   b. Ngân hàng giám sát bị giải thể, phá sản, đơn phương chấm dứt Hợp đồng giám sát hoặc bị Công ty quản lý quỹ chấm dứt Hợp đồng giám sát; hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán bị thu hồi mà Công ty quản lý quỹ không xác lập được Ngân hàng giám sát thay thế trong vòng 02 (hai) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;
   c. Quỹ kết thúc thời hạn hoạt động ghi trong Điều lệ Quỹ và trong Giấy Chứng nhận đăng ký lập quỹ mà không được gia hạn (đối với Quỹ có thời hạn hoạt động);
   d. Giải thể Quỹ theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư;
   e. Giá trị tài sản ròng của Quỹ xuống dưới 10 (mười) tỷ đồng liên tục trong 06 (sáu) tháng.
2. Việc giải thể Quỹ phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

CHƯƠNG XIV

GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH

Điều 67. Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các Quỹ khác, các khách hàng uỷ thác đầu tư của Công ty quản lý quỹ và giữa Quỹ và Công ty quản lý quỹ

1. Công ty quản lý quỹ phải:

   a. Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi Quỹ do Công ty quản lý quỹ quản lý;

   b. Tách biệt tài sản của Công ty quản lý quỹ với tài sản của các Quỹ do Công ty quản lý quỹ quản lý, tài sản của nhà đầu tư ủy thác; tách biệt tài sản của các Quỹ do Công ty quản lý quỹ quản lý.

2. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Giám đốc, thành viên Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên, người hành nghề quản lý quỹ và nhân viên của Công ty quản lý quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của Điều lệ Quỹ và pháp luật hiện hành.

3. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong Công ty quản lý quỹ.

CHƯƠNG XV

CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 68. Công bố thông tin, cung cấp thông tin cho nhà đầu tư

1. Việc công bố thông tin liên quan đến hoạt động của Quỹ sẽ được Công ty quản lý quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
2. Thông báo triệu tập phiên họp Ban đại diện quỹ được xem là truyền đạt đến mỗi thành viên Ban đại diện quỹ nếu được thông báo trực tiếp cho thành viên Ban đại diện quỹ hoặc được gửi bằng văn bản đến địa chỉ do thành viên Ban đại diện quỹ đã thông báo cho Quỹ.
3. Các tài liệu Quỹ, báo cáo định kỳ của Quỹ được cung cấp miễn phí cho nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty quản lý quỹ và hệ thống đại lý phân phối hoặc gửi trực tiếp qua thư điện tử cho nhà đầu tư.
4. Thư triệu tập, thông báo, mệnh lệnh hoặc tài liệu cần gửi cho Quỹ hoặc Người Điều Hành Quỹ có thể gửi bằng cách giao thẳng hoặc gửi qua bưu điện đến địa chỉ của văn phòng do Quỹ đã đăng ký trong một phong bì có dán tem ghi tên Quỹ hay Người Điều Hành Quỹ nhận.
5. Công ty quản lý quỹ thực hiện việc công bố thông tin theo quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 69. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ phải được Đại hội nhà đầu tư quỹ đầu tư chứng khoán quyết định. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của quỹ đầu tư chứng khoán chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của quỹ đầu tư chứng khoán.

Điều 70. Đăng ký Điều lệ, điều khoản thi hành

1. Bản Điều lệ này gồm 15 Chương 70 Điều được Đại hội nhà đầu tư thông qua ngày 23 tháng 1 năm 2026 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành 03 (ba) bản có giá trị pháp lý như nhau, trong đó:
   a. 01 (một) bản đăng ký tại cơ quan Nhà nước theo quy định của pháp luật;
   b. 01 (một) bản lưu tại văn phòng Công ty quản lý quỹ;
   c. 01 (một) bản lưu tại văn phòng Ngân hàng giám sát.

   Đính kèm cùng Điều lệ các Phụ lục sau:

   Phụ lục 1.1: Cam kết của Công ty quản lý quỹ

   Phụ lục 1.2: Cam kết của Ngân hàng giám sát

   Phụ lục 1.3: Cam kết chung của Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát

   Phụ lục 1.4: Phương pháp xác định giá trị tài sản

   Phụ lục 1.5: Nguyên tắc lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 4 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC

CTCP QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ LIGHTHOUSE

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nguyễn Lê Đình Quang

PHỤ LỤC 1.1
CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công ty quản lý quỹ: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse

- Số Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán: 14/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/12/2006 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm).
- Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 0304772590 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh) cấp ngày 28/12/2006 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm).

Công ty quản lý quỹ cam kết thực hiện các điều sau đây đối với Quỹ Đầu tư Năng động Lighthouse:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ Quỹ trong hoạt động quản lý quỹ.
2. Thực hiện các nhiệm vụ quản lý quỹ một cách hiệu quả, trung thực, tận tụy và phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quỹ, ưu tiên quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.
3. Đảm bảo Quỹ đại chúng luôn có một ngân hàng giám sát vào mọi thời điểm.
4. Trả cho Ngân hàng giám sát các khoản giá dịch vụ và cho các tổ chức cung ứng dịch vụ khác theo quy định tại Điều lệ Quỹ.
5. Định kỳ cung cấp cho Ngân hàng giám sát các thông tin sau:
   a. Báo cáo tình hình hoạt động và báo cáo tài chính của Quỹ, sổ đăng ký nhà đầu tư và số lượng chứng chỉ quỹ mà nhà đầu tư nắm giữ;
   b. Các báo cáo liên quan đến Quỹ hoặc liên quan đến tài sản, danh mục đầu tư của Quỹ;
   c. Bản đánh giá giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ;
   d. Các thông tin liên quan tới hoạt động quản lý quỹ và nghĩa vụ khác.
6. Cung cấp miễn phí bản sao Điều lệ Quỹ (và các phụ lục kèm theo), Bản cáo bạch (và các phụ lục kèm theo) cho các nhà đầu tư theo yêu cầu.
7. Không được đầu tư vào các chứng khoán, hoặc các tài sản mà chính Công ty quản lý quỹ hoặc những người liên quan đến Công ty quản lý quỹ có lợi ích trong đó hoặc có liên quan đến các lợi ích đó, ngoại trừ các trường hợp được pháp luật cho phép.
8. Không sử dụng vị thế của Công ty quản lý quỹ trong hoạt động quản lý quỹ để thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho chính công ty hoặc những người có liên quan hoặc làm tổn hại đến lợi ích của các nhà đầu tư.
9. Thực hiện việc định giá và công tác kế toán cho Quỹ một cách trung thực, chính xác và kịp thời.
10. Cung cấp miễn phí bản sao báo cáo hằng năm và các báo cáo khác của Quỹ cho các nhà đầu tư theo yêu cầu.
11. Cung cấp miễn phí bản sao báo cáo hằng năm của Ngân hàng giám sát đánh giá về hoạt động quản lý quỹ của Công ty quản lý quỹ cho các nhà đầu tư theo yêu cầu.
12. Đảm bảo rằng mọi thông tin được Công ty quản lý quỹ hoặc người đại diện Công ty quản lý quỹ công bố là đầy đủ, trung thực, chính xác, không bỏ sót những sự kiện ảnh hưởng đến quyền lợi của nhà đầu tư, những sự kiện ảnh hưởng đến nội dung của thông tin được công bố, không bỏ sót những thông tin phải công bố theo yêu cầu của pháp luật và không gây hiểu nhầm cho nhà đầu tư.
13. Cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết để tổ chức kiểm toán độc lập của Quỹ có thể thực hiện nhiệm vụ kiểm toán hiệu quả và kịp thời.
14. Báo cáo kịp thời cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong trường hợp đối chiếu tài sản có/nợ của

Quỹ giữa Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát không thống nhất.

15. Thực hiện nghĩa vụ triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư Quỹ theo quy định của pháp luật.

TỔNG GIÁM ĐỐC
CTCP QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ LIGHTHOUSE
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Nguyễn Lê Đình Quang

PHỤ LỤC 1.2

CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng giám sát: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa

- Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh: 0100150619-079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh) cấp ngày 29/11/2004 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm).
- Số Quyết định chấp thuận thực hiện nghiệp vụ lưu ký, thanh toán bù trừ và đăng ký chứng khoán: 106/QĐ-UBCK do Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14/05/2003.

Ngân hàng giám sát cam kết:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ Quỹ trong hoạt động giám sát.
2. Đảm bảo cho Quỹ luôn luôn có một công ty quản lý quỹ tại mọi thời điểm.
3. Thực hiện một cách tận tụy, trung thực và thận trọng các chức năng ngân hàng giám sát đối với Quỹ.
4. Thực hiện lưu ký, thanh toán, bảo quản và giám sát tất cả các tài sản, chứng khoán của Quỹ thay cho các nhà đầu tư; thực hiện việc đối chiếu tài sản có/nợ của Quỹ với Công ty quản lý quỹ theo định kỳ ít nhất một tháng một lần và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nếu như tình trạng tài sản có/nợ là không thống nhất giữa Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát.
5. Tách biệt tài sản của Quỹ khỏi tài sản của Ngân hàng giám sát, tài sản của Công ty quản lý quỹ và tài sản của các Quỹ khác, tài sản của các khách hàng khác của Ngân hàng giám sát.
6. Giám sát danh mục đầu tư của Quỹ, việc định giá tài sản Quỹ, việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, xác định giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ theo các quy định của pháp luật hiện hành và theo quy định tại Điều lệ Quỹ.
7. Đảm bảo bằng những nỗ lực tốt nhất giám sát để Công ty quản lý quỹ không lợi dụng vị thế quản lý quỹ của mình thực hiện các hoạt động thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho Công ty quản lý quỹ hoặc những người có liên quan làm tổn hại đến lợi ích của các nhà đầu tư.
8. Đảm bảo Quỹ được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập hàng năm.
9. Thực hiện nghĩa vụ ghi chép và theo dõi tất cả các giao dịch, các khoản lãi, cổ tức và thu nhập được nhận hoặc được phân phối của Quỹ.

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
CHI NHÁNH NAM KỲ KHỞI NGHĨA
TP.HỒ CHÍ MINH

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Minh Châu

PHỤ LỤC 1.3

CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Công ty quản lý quỹ: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse

- Số Giấy phép thành lập và hoạt động: 14/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/12/2006 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm).
- Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 0304772590 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh) cấp ngày 28/12/2006 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm).

Ngân hàng giám sát: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa

- Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh: 0100150619-079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh) cấp ngày 29/11/2004 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm)
- Số Quyết định chấp thuận thực hiện nghiệp vụ lưu ký, thanh toán bù trừ và đăng ký chứng khoán: 106/QĐ-UBCK do Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14/05/2003.

1. Cùng cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo vệ lợi ích cho các nhà đầu tư.
2. Cùng cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ trong suốt thời gian hoạt động của Quỹ.
3. Cùng cam kết thực hiện quyền bỏ phiếu phát sinh liên quan đến việc sở hữu các cổ phiếu/vốn góp mà Quỹ đã đầu tư theo tinh thần và vì lợi ích của người đầu tư tại Đại hội đồng cổ đông của các tổ chức phát hành hoặc tại Hội đồng thành viên của doanh nghiệp Quỹ góp vốn.
4. Cùng cam kết không nhận bất kỳ một khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản Quỹ hoặc giao dịch các tài sản khác không được quy định rõ trong Điều lệ Quỹ hoặc Bản cáo bạch.

TỔNG GIÁM ĐỐC
CTCP QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ LIGHTHOUSE
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nguyễn Lê Đình Quang

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA
NGÂN HÀNG GIÁM SÁT
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Minh Châu

PHỤ LỤC 1.4

PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
A. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1	Tiền (VND)	Số dư tiền trong các tài khoản không kỳ hạn tại ngày trước ngày định giá
2	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá.
3	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá
4	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các công cụ thị trường tiền tệ khác	Giá mua cộng lãi lũy kế chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.
5	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trúng thầu hoặc một lãi suất khác do Ban đại diện quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ.
B. Trái phiếu		
6	Trái phiếu niêm yết, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán	- Giá yết bình quân gia quyền (giá sạch) của các giao dịch thông thường (outright) trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế với điều kiện giá sạch của trái phiếu không có biến động lớn[1] so với giá mua bình quân gia quyền (giá sạch) của Trái phiếu đó. - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá hoặc giá sạch trái phiếu có biến động lớn, giá trái phiếu được xác định theo chi tiết được đề cập trong Sổ tay định giá được Ban đại diện quỹ phê duyệt.
7	Trái phiếu được chấp thuận niêm yết/ đăng ký giao dịch nhưng chưa có giao dịch đầu tiên, trái phiếu hủy niêm yết/ đăng ký giao dịch	- Trường hợp trái phiếu bị hủy niêm yết/ đăng ký giao dịch theo quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán do gần đến ngày đáo hạn hoặc được mua lại trước hạn theo thông báo của Tổ chức phát hành thì giá trái phiếu sẽ được xác định là mệnh giá cộng lãi lũy kế. - Các trường hợp còn lại, giá trái phiếu được xác định theo thứ

[1] Biến động lớn
- Trái phiếu chính phủ: vượt quá +/-0,1%
- Trái phiếu chính phủ bảo lãnh, trái phiếu địa phương: vượt quá: +/-0,1%
- Trái phiếu doanh nghiệp: vượt quá: +/-0,1%

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
		tự ưu tiên như bên dưới: ▪ Giá mua bình quân gia quyền (giá sạch) cộng lãi lũy kế; hoặc ▪ Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc ▪ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
8	Trái phiếu không niêm yết	- Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc - Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc - Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
9	Trái phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản và trong các trường hợp khác	Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận theo từng trường hợp cụ thể.
C. Cổ phiếu		
10	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán, cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng của tổ chức niêm yết	- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá (bao gồm cả trường hợp do bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch), sử dụng phương pháp định giá theo thứ tự ưu tiên sau: ▪ Giá mua; hoặc ▪ Giá trị sổ sách; hoặc ▪ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
11	Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom, cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức đăng ký giao dịch, cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng của tổ chức đăng ký giao dịch	- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, sử dụng phương pháp định giá theo thứ tự ưu tiên sau: ▪ Giá mua; hoặc ▪ Giá trị sổ sách; hoặc ▪ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
12	Cổ phiếu tạm dừng giao dịch để thực hiện việc chuyển sàn niêm yết, hoặc chuyển từ đăng ký giao dịch qua niêm yết, hoặc chuyển từ niêm yết	Là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: - Giá được xác định là giá đóng cửa tại ngày giao dịch cuối cùng trước khi ngừng giao dịch; hoặc - Giá trị sổ sách; hoặc - Mệnh giá; hoặc

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
	qua đăng ký giao dịch	- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
13	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Là một trong các mức giá sau: - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
14	Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch; cổ phiếu được chấp thuận niêm yết hoặc đăng ký giao dịch nhưng chưa có giao dịch đầu tiên (không bao gồm cổ phiếu đang thực hiện thủ tục chuyển sàn giao dịch)	- Giá trị trung bình dựa trên báo giá (giá trung bình của các giao dịch trong kỳ) của tối thiểu 03 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá. - Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu 03 tổ chức báo giá, sử dụng phương pháp định giá theo thứ tự ưu tiên sau: ▪ Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc ▪ Giá trị sổ sách; hoặc ▪ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
15	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc huỷ niêm yết, hoặc huỷ đăng ký giao dịch không phải do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán	Là một trong các mức giá sau: - Giá trị sổ sách; hoặc - Mệnh giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
16	Cổ phiếu bị hủy niêm yết hoặc bị hủy đăng ký giao dịch do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán	- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của sở giao dịch chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, sử dụng phương pháp định giá theo thứ tự ưu tiên sau: ▪ Giá mua; hoặc ▪ Giá trị sổ sách; hoặc ▪ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
17	Cổ phần, phần vốn góp khác	- Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định là một trong các mức giá sau: ▪ Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc ▪ Giá trị sổ sách; hoặc ▪ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
D. Chứng chỉ quỹ		

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
18	Chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết	- Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá. - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau: ▪ Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ (NAV/CCQ) được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc Sở giao dịch chứng khoán hoặc công ty quản lý quỹ tại ngày gần nhất trước ngày định giá; hoặc ▪ Giá mua; hoặc ▪ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
19	Chứng chỉ quỹ đại chúng không niêm yết	Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ (NAV/CCQ) được công bố thông tin tại ngày gần nhất trước ngày định giá.
20	Chứng chỉ quỹ đại chúng bị hủy niêm yết do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán	Là một trong các mức giá sau: - Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ (NAV/CCQ) được công bố thông tin tại ngày gần nhất trước ngày định giá; hoặc - Giá mua; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
E. Chứng quyền có bảo đảm		
21	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán	- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, sử dụng phương pháp định giá theo thứ tự ưu tiên sau: ▪ Giá mua; hoặc ▪ Giá trị sổ sách; hoặc ▪ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
F. Các tài sản khác		
22	Quyền mua cổ phiếu	Giá của quyền mua được tính theo công thức sau: - Giá Quyền = (giá thị trường của cổ phiếu tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá – giá thực hiện quyền mua) * tỷ lệ thực hiện quyền
23	Các tài sản được phép đầu tư khác	- Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
		đại diện quỹ thông qua.

- Lãi dự thu của Tiền gửi không kỳ hạn được tính bằng công thức:

  Lãi tiền gửi dự thu = Tiền gốc × Lãi suất × n/365

  n: số ngày thực tế tính từ ngày gửi tiền tới ngày trước ngày định giá

- Lãi luỹ kế của Trái phiếu không niêm yết được tính theo công thức sau:

  Lãi lũy kế = Lợi suất cuống phiếu × Mệnh giá × n/365

  n: Số ngày thực tế từ ngày trả lãi cuống phiếu gần nhất tính tới ngày trước ngày định giá

TỔNG GIÁM ĐỐC
CTCP QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ LIGHTHOUSE
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ LIGHTHOUSE

Nguyễn Lê Đình Quang

PHỤ LỤC 1.5

NGUYÊN TẮC LẤY Ý KIẾN NHÀ ĐẦU TƯ BẰNG VĂN BẢN

1. **Các vấn đề được lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua Nghị quyết:** theo quy định tại Điều lệ Quỹ.

2. **Ban kiểm phiếu kiểm phiếu theo những nguyên tắc sau:**

a. Nguyên tắc biểu quyết:

- Phân bổ quyền: 01 chứng chỉ quỹ - 01 quyền biểu quyết.
- Kết quả biểu quyết được tính trên tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết và trên tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại thời điểm biểu quyết.
- Kết quả biểu quyết theo phần trăm được làm tròn đến 02 (hai) số thập phân.
- Các vấn đề đưa ra biểu quyết bằng văn bản được thông qua khi được số nhà đầu tư đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các nhà đầu tư có quyền biểu quyết tán thành.

*b. **Tổng số phiếu biểu quyết phát ra:*** là tổng số phiếu lấy kiến nhà đầu tư được Công ty quản lý quỹ gửi đến nhà đầu tư của Quỹ theo danh sách chốt tại ngày được thông báo.

*c. **Tổng số phiếu biểu quyết thu về:*** là tổng số phiếu lấy kiến nhà đầu tư gửi về Công ty quản lý quỹ để thể hiện ý kiến của mình về nội dung xin ý kiến.

*d. **Thời gian lấy ý kiến nhà đầu tư*** sẽ được thông báo cụ thể trong nội dung phiếu lấy ý kiến bằng văn bản.

e. Phiếu biểu quyết hợp lệ:

Phiếu biểu quyết hợp lệ là phiếu biểu quyết:

- Phiếu biểu quyết do Công ty quản lý quỹ gửi đến nhà đầu tư;
- Phiếu không bị tẩy xóa, sữa chữa, thay đổi nội dung;
- Phiếu biểu quyết được ký bởi chủ sở hữu đơn vị quỹ hoặc người ủy quyền đã đăng ký với Công ty quản lý quỹ hoặc người ủy quyền hợp lệ theo quy định của pháp luật theo cách thức:
  - Ký trực tiếp trên Phiếu biểu quyết bằng văn bản giấy; hoặc
  - Ký số (ký điện tử) trên Phiếu biểu quyết điện tử bằng (1) chữ ký số do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số hợp pháp cấp đảm bảo phù hợp với quy định về giao dịch điện tử hoặc (2) gắn liền, kết hợp một cách lô gíc với thông tin xác thực của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật hướng dẫn giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán và đáp ứng quy định pháp luật về giao dịch điện tử.
- Phiếu biểu quyết được gửi về Công ty quản lý quỹ trong thời hạn xác định tại Phiếu lấy kiến nhà đầu tư.

f. Ý kiến biểu quyết hợp lệ:

Nhà đầu tư vui lòng điền đầy đủ thông tin vào phần còn trống và chỉ đánh dấu (√) vào duy nhất một lựa chọn "Tán thành"; "Không tán thành" hoặc "Không có ý kiến" để biểu quyết cho các nội dung xin ý kiến theo thẩm quyền của việc xin ý kiến bằng văn bản.

*g. **Kết quả kiểm phiếu:*** được tổng hợp trên phiếu biểu quyết hợp lệ của nhà đầu tư.

h. Biểu quyết thông qua & Biểu quyết không thông qua:

Ý kiến biểu quyết "Tán thành" thì được xem là biểu quyết thông qua. Ý kiến biểu quyết "Không tán thành" hoặc "Không có ý kiến" thì được xem là biểu quyết không thông qua.

i. ***Không tham gia biểu quyết:***

Phiếu lấy kiến nhà đầu tư đã được gửi đến nhà đầu tư nhưng bị hoàn trả về do địa chỉ nhà đầu tư cung cấp không chính xác, hoặc các phiếu lấy kiến nhà đầu tư được gửi về Công ty quản lý quỹ theo địa chỉ đã thông báo nhưng sau thời hạn ngày nhận cuối cùng; hoặc các phiếu nhà đầu tư không gửi về thì được xem là không tham gia biểu quyết các nội dung lấy kiến.

j. ***Tổng hợp kết quả:*** Ban kiểm phiếu có trách nhiệm tổng hợp kết quả biểu quyết cho từng vấn đề và lập Biên bản kiểm phiếu.

TỔNG GIÁM ĐỐC
CTCP QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ LIGHTHOUSE
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Nguyễn Lê Đình Quang